TOP 10 CÁC CÔNG TY KINH DOANH & PHÂN PHỐI DƯỢC PHẨM TẠI VIỆT NAM

BÌNH CHỌN THƯƠNG HIỆU SỐ 1 VIỆT NAM 2025

CẨM XUYÊN HƯƠNG YÊN BÁI

CÔNG TY THÀNH VIÊN

YPHARCO

YPHARCO HEALTHCARE

ĐỐI TÁC TRONG NƯỚC

VIETNAT Source of Health

MEYER-BPC

SPOMEDIC

BIOPHARCO

MIPHARMCO

DRP inter

DAVAC

MEDLAC

ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI

GEDEON RICHTER

EGIS

RAPTAKOS, BRETT & CO. LTD.

DELORBIS

PharmaLink

MEDEXPORT ITALIA

PRO.MED.CS Praha a.s.

Daewoo

BEPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ:
6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Văn phòng điều hành:
11 Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện Thoại: (028) 3622 0205 - 18001745
Fax: (027) 53 824 248
Email: bepharco.vietnam@bepharco.com
Website: www.bepharco.com

bepharco group

Scan me

CATALOGUE

OTC

CÁC SẢN PHẨM THUỐC & CHĂM SÓC SỨC KHỎE

BEPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

CATALOGUE

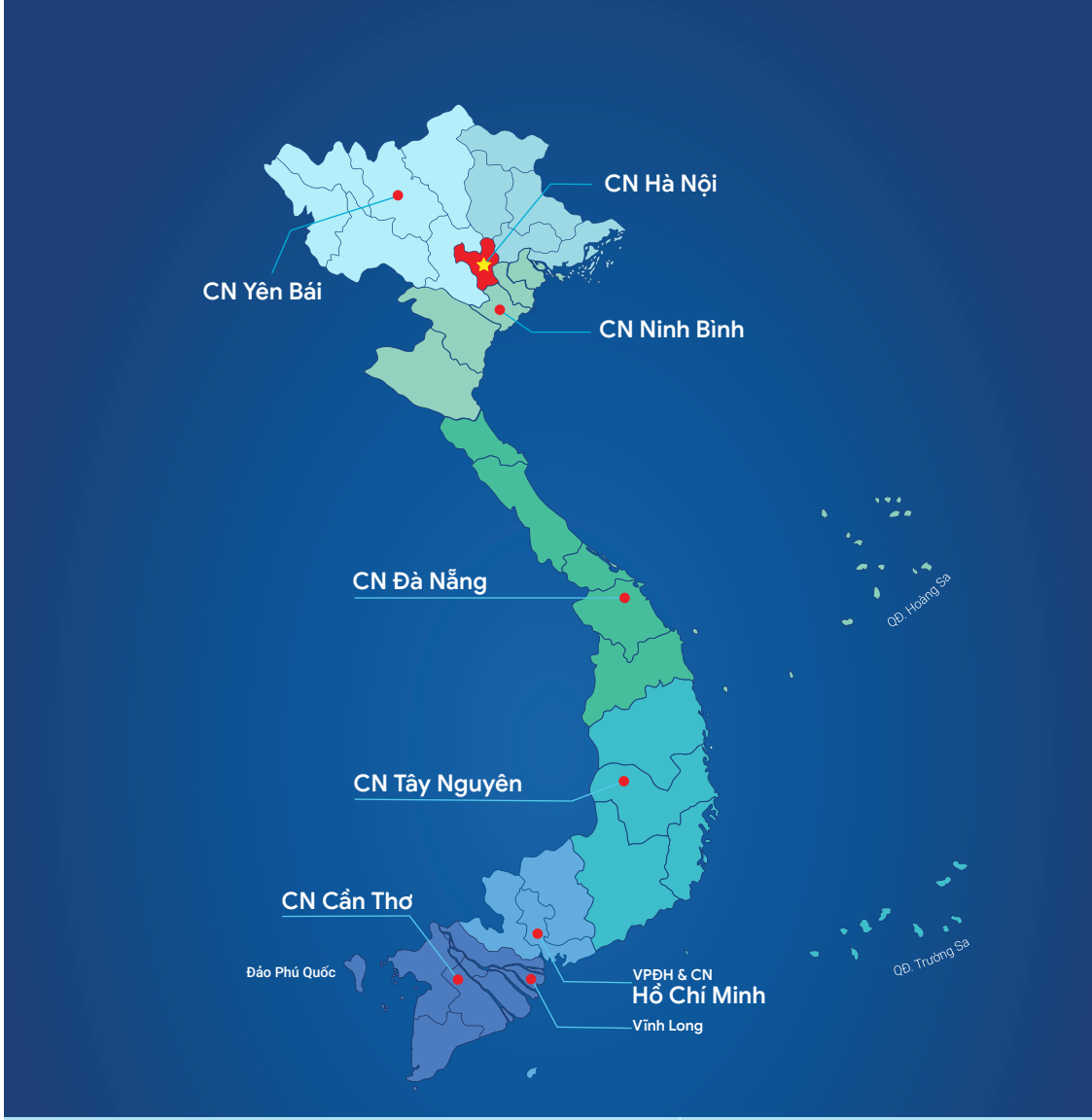
www.bepharco.com

CÁC SẢN PHẨM THUỐC & CHĂM SÓC SỨC KHỎE



TOP 10

CÁC CÔNG TY KINH DOANH & PHÂN PHỐI DƯỢC PHẨM TẠI VIỆT NAM



HỆ THỐNG LƯU TRỮ

TỔNG

14 KHO

S 4,263.83 m^2

V 18,413.87 m^3

Hưng Yên
- Kho GSP BEPHARCO
- Chi nhánh Hà Nội

Hồ Chí Minh
- Kho GSP BEPHARCO
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

Vĩnh Long
- Kho GDP BEPHARCO
- BEPHARCO (Nhà máy Hóa Dược)
- Kho GDP Bến Tre
- BHC Việt Nam

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

7

CHI NHÁNH

PHÂN PHỐI TOÀN QUỐC

>35 000 KHÁCH HÀNG TOÀN QUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
Văn phòng điều hành: 11 Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện Thoại: (028) 3622 0205 - 18001745 **Email:** bepharco.vietnam@bepharco.com
Fax: (027) 53 824 248 **Website:** www.bepharco.com

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

HƯỚNG ĐẾN **TOP 5**

Hành trình hơn sáu thập kỷ kiến tạo uy tín của Bepharco không chỉ là câu chuyện của thời gian, mà là minh chứng cho một cam kết bền bỉ vì sức khỏe con người được dẫn lối bởi tâm đức. Chúng tôi định vị mình là nơi giao thoa của hai dòng chảy chiến lược: vừa tận tâm mang những thành tựu y học ưu việt của thế giới về phục vụ người Việt, vừa tự hào đưa các sản phẩm dược mang đậm dấu ấn Việt Nam vươn tầm xuất khẩu.

CÔNG TY PHÂN PHỐI DƯỢC HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

- **2025** — Ký kết hợp tác chiến lược với 3 trường Đại học Y Dược, mở rộng mạng lưới liên kết đào tạo Bắc - Trung - Nam: Trường Dược - ĐH Y Dược TP.HCM, ĐH Y Dược Hải Phòng và Trường Y Dược - ĐH Đà Nẵng.
- **2024** — Mua lại Công ty cổ phần Ypharco Healthcare (YHC)
- **2020** — Bepharco chuyển sang niêm yết trên sàn chứng khoán TP. HCM (HOSE)
- **2017** — Bepharco sở hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (Ypharco)
- **2014** — Nhà nước thoái vốn toàn bộ tại Bepharco
- **2009** — Niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX)
- **2004** — Bepharco chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần
- **1989** — Một trong năm Công ty dược phẩm đầu tiên ở Việt Nam được Chính phủ cấp phép chính thức để nhập khẩu thuốc
- **1983** — Công ty Dược phẩm Bến Tre và Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre hợp nhất thành Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre
- **1963** — Tiền thân là phòng Bào chế thuốc của Ban Dân Y Bến Tre

DANH MỤC NHÓM HÀNG

BEPHARCO	VIỆT NAM
YPHARCO	VIỆT NAM
YPHARCO HEALTHCARE	VIỆT NAM
GEDEON RICHTER	HUNGARY
EGIS	HUNGARY
RAPTAKOS	ẤN ĐỘ
MEDEXPORT	Ý
DELORBIS	CỘNG HÒA SÍP
PRO.MED.CS PRAHA A.S	CỘNG HÒA SÉC
HANLIM PHARM	HÀN QUỐC
PHARMALINK	TÂY BAN NHA
HEALTHCARE AUSTRALIA	ÚC
DAVAC	VIỆT NAM
BIOPHARCO	VIỆT NAM
MEYER-BPC	VIỆT NAM
DRP INTER	VIỆT NAM
MEDLAC	VIỆT NAM
MIPHARMCO	VIỆT NAM
SPOMEDIC	VIỆT NAM



BEPHARCO

SẢN XUẤT BỞI BEPHARCO

BEFADOL KID

Thành phần:

Mỗi 5 ml hỗn dịch thuốc chứa:

Paracetamol .....150 mg

Chỉ định:

Hạ sốt, giảm đau nhức thông thường và khó chịu trong các trường hợp cảm lạnh, cúm, mọc răng, đau răng, đau đầu, đau tai, đau sau khi tiêm vắc xin, viêm họng.

Liều dùng:

Uống 3 – 4 lần mỗi ngày.

Liều dùng Paracetamol hằng ngày tính theo cân nặng của trẻ.

Tuổi của trẻ chỉ để tham khảo, chi tiết xem hướng dẫn tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 ml.

Hộp 20 gói x 5 ml.

GIẢM ĐAU HẠ SỐT



BEPHARCO



Quy cách:
Hộp 1 chai x 30 ml. | Hộp 1 chai x 60 ml.

Quy cách:
Hộp 20 gói x 5 ml.

BEFABROL

Thành phần:
Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:
Ambroxol HCl .....15 mg

Chỉ định:
Tiêu nhầy trong các bệnh hô hấp cấp và mạn tính có kèm tăng tiết dịch phế quản không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen. Các bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để đề phòng các biến chứng ở phổi.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
20 ml x 2 lần/ngày,
khi cải thiện 10 ml x 2 đến 3 lần/ngày.
Bệnh nặng khó thở:
20 ml x 3 lần/ngày x 2–3 ngày đầu,
sau đó 20 ml x 2 lần/ngày.
Trẻ nhỏ hơn 12 tuổi:
dùng 2 lần/ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Becolugel-S

Làm dịu các triệu chứng trong rối loạn tiêu hoá liên quan đến tăng tiết acid dạ dày



Thành phần:
Mỗi gói 10ml chứa:
Aluminium oxide .....0,4 g
Magnesium hydroxide .....0,8004 g
Simethicone .....0,08 g

Chỉ định:
Làm dịu các triệu chứng trong rối loạn tiêu hóa liên quan đến tăng tiết acid dạ dày như: Ợ nóng, khó tiêu, nóng bỏng vùng thượng vị, đau bụng, chướng hơi.

Liều dùng:
Người lớn:
10 ml (1 gói) x 2–4 lần/ngày.
Trẻ em trên 1 tuổi:
5–10 ml (1/2 gói – 1 gói) x 2–4 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 20 gói x 10 ml

BOSUZINC

Bổ sung nhu cầu hàng ngày và điều trị thiếu kẽm trong các trường hợp: **tiêu chảy cấp và mạn tính, suy dinh dưỡng, chán ăn, chậm tăng trưởng,...**

Hộp 1 chai x 30 ml



Hộp 20 gói x 5 ml



Thành phần:

Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:

Kẽm gluconat ..... 70 mg

Chỉ định:

Bổ sung nhu cầu hàng ngày và điều trị thiếu kẽm.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Liều dùng:

- **Trẻ em từ 6 - 12 tháng tuổi:** 2,5 ml/ngày.
- **Trẻ em từ 1 - 3 tuổi:** 5 ml/ngày, chia làm 2 lần.
- **Trẻ em từ 3 - 6 tuổi:** 7,5 ml/ngày, chia làm 3 lần.
- **Trẻ em trên 6 tuổi và người lớn:** 10 ml/ngày, chia làm 2 lần.

BEPHARCO

KIDIFUNVON

Thành phần:

Mỗi 30 ml sirô thuốc chứa:

Bromhexin HCl ..... 24 mg
Phenylephrin HCl ..... 15 mg
Guaifenesin ..... 300 mg

Chỉ định:

Rối loạn tiết dịch phế quản, thúc đẩy loại bỏ chất nhầy đường hô hấp do làm long đờm, giảm tạm thời sổ mũi, nhầy mũi, xung huyết mũi do cảm lạnh, viêm phế quản, viêm tiểu phế quản, viêm thanh quản, viêm hầu họng và viêm xoang.

Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 ml.



Liều dùng:

Từ 2 - 4 tuổi: 2,5 ml x 3 - 4 lần/ngày.
Từ 4 - 6 tuổi: 5 ml x 3 - 4 lần/ngày.
Từ 6 - 12 tuổi: 7,5 ml x 3 - 4 lần/ngày.
Trên 12 tuổi: 10 ml x 3 - 4 lần/ngày.

BECOLORAT

Thành phần:

Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:

Desloratadine ..... 2,5 mg

Liều dùng:

Dùng đường uống, uống 1 lần/ngày, uống cùng hoặc không cùng bữa ăn.
Liều dùng trung bình: 5 mg/lần/ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

Hộp 20 gói 5 ml sirô thuốc.
Hộp 1 chai 30 ml sirô thuốc.
Hộp 1 chai 60 ml sirô thuốc.



Chỉ định:

- **Giảm nhanh các triệu chứng liên quan đến viêm mũi dị ứng:** Hắt hơi, sổ mũi, ngứa mũi, xung huyết/ nghẹt mũi cũng như ngứa, chảy nước mắt, đỏ mắt, ngứa họng và ho.
- **Giảm các triệu chứng liên quan đến mày đay như:** giảm ngứa, giảm kích cỡ và số lượng ban.

BEPHARCO

BECOPIRA



Thành phần:

Mỗi 5 ml dung dịch uống chứa:

Piracetam ..... 1000 mg

Chỉ định:

Người lớn:

- **Điều trị triệu chứng của hội chứng tâm thần - thực thể:** suy giảm trí nhớ, kém tập trung, rối loạn hành vi và thiếu động lực ở người cao tuổi được cải thiện khi điều trị.
- Dùng bổ trợ trong điều trị rung giật cơ có nguồn gốc từ vỏ não.
- Điều trị chóng mặt và các rối loạn thăng bằng đi kèm, ngoại trừ choáng váng có nguồn gốc do vận mạch hoặc tâm thần.
- Phòng ngừa và làm giảm các đợt cấp nghẽn mạch ở bệnh hồng cầu hình liềm.

Trẻ em:

- Điều trị hỗ trợ chứng khó đọc hay khó tiếp thu và kết hợp với trị liệu ngôn ngữ.
- Phòng ngừa và làm giảm các đợt cấp nghẽn mạch ở bệnh hồng cầu hình liềm.

Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

Hộp 20 gói x 5 ml dung dịch uống.
Hộp 1 chai x 30 ml dung dịch uống.
Hộp 1 chai x 60 ml dung dịch uống.
Hộp 1 chai x 100 ml dung dịch uống.

BECORIDONE | BECORIDONE NEW

Thành phần:

Mỗi 1 ml hỗn dịch chứa:

Domperidon maleat ..... 1,27 mg

Chỉ định:

Điều trị triệu chứng nôn và buồn nôn.

Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Mẫu cũ

Quy cách:

Hộp 1 chai x 30 ml.



Mẫu mới

Quy cách:

Hộp 1 chai x 25 ml.
Hộp 1 chai x 55 ml.

BECOLUGEL



Thành phần:

Mỗi gói 20 g chứa:

Aluminium phosphate gel 20% ..... 12,38 g

Chỉ định:

Điều trị cơn đau, bỏng rát và tình trạng khó chịu do acid gây ra ở dạ dày hoặc thực quản.

Liều dùng:

Mỗi lần 1 - 2 gói sau các bữa ăn khoảng 30 phút đến 2 giờ.

Quy cách:

Hộp 20 gói x 20 g.

BECOLUGEL-O

Thành phần:

Mỗi gói 10 ml chứa:

Magnesium hydroxide ..... 196 mg
Oxethazaine ..... 20 mg



Chỉ định:

Đau cấp tính, mạn tính trong bệnh viêm dạ dày, loét tá tràng. Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày, stress. Viêm thực quản, đau bụng do khó tiêu.

Liều dùng:

- **Người lớn:**
  ½ đến 1 gói/lần, 4 lần/ngày.
- **Trẻ em:**
  Không dùng thuốc này cho trẻ em.

Quy cách:

Hộp 20 gói x 10 ml.

GASMAGEL

Thành phần:
Mỗi gói 15 ml chứa:
Almagat .....1000 mg

Chỉ định:
Thuốc có tác dụng kháng acid và cải thiện các chứng bệnh sau:
loét dạ dày, loét tá tràng, viêm dạ dày, các chứng bệnh do tăng tiết acid (ợ nóng, buồn nôn, nôn, đau dạ dày, chứng ợ); bệnh trào ngược thực quản.

Liều dùng:
- **Người lớn:**
  Dùng 1 gói (15 ml) x 4 lần/ngày.
- **Trẻ em (6 - 12 tuổi):**
  Dùng nửa liều dành cho người lớn.



Quy cách:
Hộp 20 gói x 15 ml.

THIDAMAGEL

Thành phần:
Mỗi gói 15 ml chứa:
Almagat .....
1500 mg

Chỉ định:
Thuốc có tác dụng kháng acid và cải thiện các chứng bệnh sau:
loét dạ dày, loét tá tràng, viêm dạ dày, các chứng bệnh do tăng tiết acid (ợ nóng, buồn nôn, nôn, đau dạ dày, chứng ợ); bệnh trào ngược thực quản.

Liều dùng:
- **Người lớn:**
  Dùng 1 gói (15 ml) x 3 lần/ngày.
- **Trẻ em (6 - 12 tuổi):**
  Dùng nửa liều dành cho người lớn.



Quy cách:
Hộp 20 gói x 15 ml.

BETOFER

Thành phần:
Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:
Sắt (III) hydroxide polymaltose complex ..... 178 mg

Chỉ định:
Điều trị tình trạng thiếu sắt tiềm ẩn;
Điều trị thiếu máu do thiếu sắt;
Phòng ngừa thiếu sắt khi mang thai.

Liều dùng:
Điều trị bệnh thiếu sắt tiềm ẩn:
- Trẻ em từ 1 - 12 tuổi: 2,5 - 5 ml/ngày.
- Trẻ em từ 12 tuổi trở lên, người lớn, phụ nữ đang cho con bú: 5 - 10 ml/ngày.

Điều trị thiếu máu do thiếu sắt.:
- Đối với trẻ em dưới 1 tuổi: khởi đầu với liều 2,5 ml/ngày, sau đó tăng lên 5 ml/ngày.
- Đối với trẻ em từ 1 - 12 tuổi: khuyến cáo 5 - 10 ml/ngày.
- Người từ 12 tuổi trở lên, phụ nữ đang cho con bú: 10 - 30 ml/ngày.

Sử dụng cho phụ nữ có thai:
- Thiếu sắt tiềm ẩn và phòng thiếu sắt: 5 -10 ml.
- Thiếu máu do thiếu sắt: 20 - 30 ml/ngày cho đến khi giá trị huyết sắc tố trở về bình thường. Sau đó, điều trị duy trì với liều 10 ml/ngày cho đến cuối thai kỳ.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 60 ml.
Hộp 1 chai x 100 ml.
Hộp 20 gói x 5 ml.
Hộp 20 gói x 10 ml.





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI

YPHARCO

SẢN XUẤT BỞI YPHARCO

SẢN PHẨM ĐÔNG DƯỢC TỪ THIÊN NHIÊN 8

NHÓM ĐIỀU TRỊ

- AN THẦN ĐỊNH CHÍ DƯỠNG TÂM
- BỔ PHẾ
- BỔ ÂM DƯỠNG HUYẾT
- DÙNG NGOÀI
- ĐIỀU KINH AN THAI
- GIẢI BIỂU
- GIẢI ĐỘC, TIÊU BAN LỢI THỦY THANH NHIỆT
- TẢ HẠ, TIÊU THỰC BÌNH VỊ, KIỆN TÌ NHUẬN TRÀNG

VIETNAM NO.1 BRAND AWARDS 2025

BÌNH CHỌN
THƯƠNG HIỆU SỐ 1
VIỆT NAM 2025

CẢM XUYÊN HƯƠNG
YÊN BÁI



TỰ HÀO VINH DANH

THƯƠNG HIỆU SỐ 1 VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM





CẢM XUYÊN HƯƠNG
YÊN BÁI



ĐIỀU TRỊ CÁC TRIỆU CHỨNG

- ✓ CẢM CÚM
- ✓ CẢM LẠNH
- ✓ NHỨC ĐẦU
- ✓ HẮT HƠI
- ✓ SỔ MŨI DO CẢM LẠNH

Thành phần:

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

Chỉ định:

Điều trị cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

Liều dùng, cách dùng:

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:
3 - 4 viên x 3 - 4 lần/ngày.
Trẻ em từ 30 tháng tuổi - 12 tuổi:
1 - 2 viên x 3 - 4 lần/ngày.

Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

GIẢI BIỂU

CỐM
CẢM XUYÊN HƯƠNG
YÊN BÁI



Thành phần:

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

Chỉ định:

Điều trị cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

Liều dùng, cách dùng:

Từ 6 tháng - 1 tuổi: 1 gói x 2 lần/ngày.
Từ 1 - 5 tuổi: 1 gói x 3 lần/ngày.
Từ 5 - 12 tuổi: 2 gói x 2 lần/ngày.
Từ 12 tuổi trở lên và người lớn: 2 gói x 3 lần/ngày.

Quy cách:

Hộp 20 gói x 2 g thuốc cốm.

SIRO
CẢM XUYÊN HƯƠNG
YÊN BÁI

Thành phần:

Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Xuyên khung, Bách bộ, Hương phụ, Cam thảo, Trần bì.

Chỉ định:

Điều trị cảm lạnh, cảm cúm, hắt hơi, sổ mũi, ngạt mũi; Điều trị các chứng ho do lạnh, ho đờm nhiều.

Liều dùng, cách dùng:

Từ 30 tháng tuổi - 7 tuổi:
7,5 ml x 2 - 3 lần/ngày.
Từ 7 - 12 tuổi: 10 ml x 2 - 3 lần/ngày.
Trên 12 tuổi: 15 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:

Hộp 1 chai 60ml.



BỔ PHẾ TIÊU ĐỜM

Chữa ho kéo dài do phế âm hư (ho khan, ho có đờm đặc).





Thành phần:

Sinh địa, Thục địa, Đương quy, Bách hợp, Mạch môn, Huyền sâm, Bạch thược, Cát cánh, Cam thảo, Tinh dầu bạc hà.

Liều dùng:

- **Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi:** 15 ml x 4 lần/ngày.
- **Từ 6 - 10 tuổi:** 10 ml x 4 lần/ngày.
- **Từ 30 tháng - 5 tuổi:** 5 ml x 4 lần/ngày.

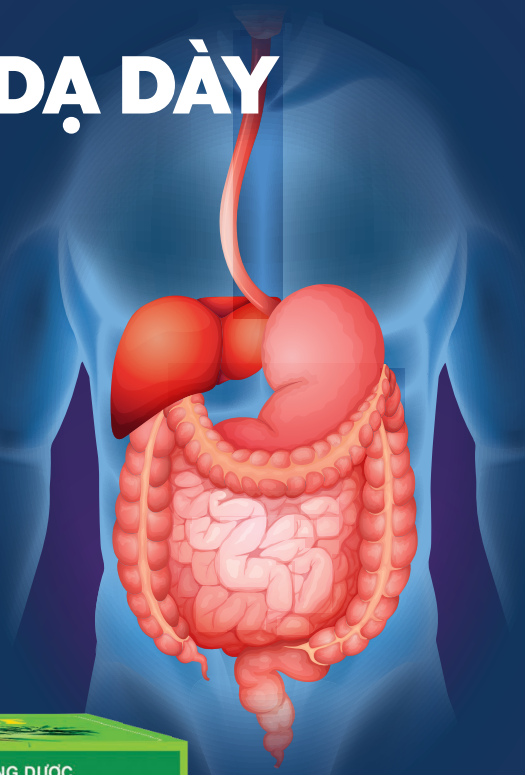
Quy cách:

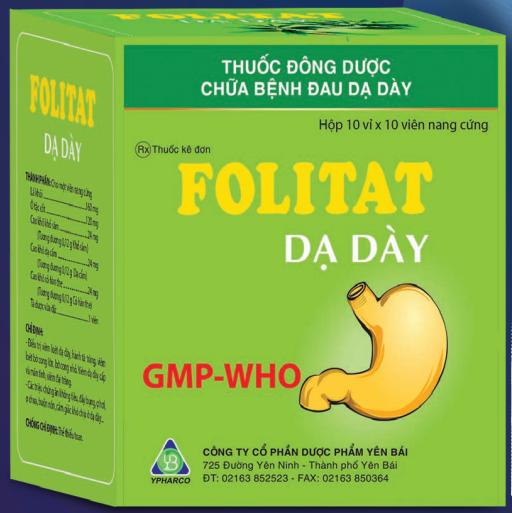
Hộp 1 chai siro 125 ml.

FOLITAT DẠ DÀY

Điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng, viêm loét bờ cong lớn, bờ cong nhỏ, viêm dạ dày cấp và mãn tính, viêm đại tràng.

Các triệu chứng ăn không tiêu, đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, buồn nôn, cảm giác khó chịu ở dạ dày.







Thành phần:
Lá khôi, ô tặc cốt, cao khô Khổ sâm, cao khô Dạ cẩm, cao khô Cỏ hàn the.

Liều dùng:
Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày
Trẻ em: 1 viên x 2 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



Thành phần:
Ô đầu, Mã tiền, Thiên niên kiện, Quế nhục, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu long não, Methyl salicylat.

Chỉ định:
Giảm đau, tan tụ huyết, tiêu sưng. Dùng trong các trường hợp bị chấn thương, đau nhức, mỏi cơ, đau khớp, đau dây thần kinh, cảm lạnh.

Liều dùng:
Ngày dùng 3 – 4 lần.
Đợt dùng từ 5 – 7 ngày.

Cách dùng:
Dùng nắp xịt: Cầm lọ thuốc theo chiều thẳng đứng đầu xịt phía trên. Xịt thuốc lên chỗ đau hoặc tụ máu xoa, day, bóp trực tiếp tại chỗ cho thuốc ngấm.
Không dùng nắp xịt: Dùng tăm bông chấm thuốc bôi vào chỗ đau hoặc tụ máu xoa, day, bóp trực tiếp tại chỗ cho thuốc ngấm.
Sau khi dùng phải rửa tay kỹ.

Quy cách:
Hộp 1 lọ 30 ml.
Hộp 1 lọ 40 ml.
Hộp 1 lọ 80 ml.

AN THẦN

Thành phần:
Táo nhân, Tâm sen, Thảo quyết minh, Bột talc, Đăng tâm thảo, Calci carbonat, Magnesi stearat.

Công dụng:
Trị khó ngủ, mất ngủ đặc biệt ở người cao tuổi, người suy nhược thần kinh, người lao động trí óc nhiều. Giảm stress, lo lắng, căng thẳng, tim đập hồi hộp.

Liều dùng:
Uống 2 - 3 viên x 3 lần/ngày.
Đợt dùng 2 - 4 tuần.

Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 10 viên nang.



HOẠT HUYẾT PLUS

Thành phần:
Cao đặc rễ đinh lăng, Cao khô lá bạch quả.

Chỉ định:
Phòng và điều trị các bệnh sau:
- Suy giảm trí nhớ, thiểu năng tuần hoàn não, hội chứng tiền đình, rối loạn tuần hoàn não.

Suy tuần hoàn, có các biểu hiện:
- Đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng. Làm việc trí óc căng thẳng bị đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mệt mỏi.

Giảm chức năng não bộ:
- Giảm trí nhớ, suy nhược thần kinh.

Chứng run giật của bệnh nhân Parkinson.



Liều dùng:
Người lớn: Uống 1 gói lần x 1 - 2 lần/ngày.
Trẻ em trên 12 tuổi: Uống 1 gói lần x 1 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 20 gói x 3 g thuốc cốm.

HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO

(Viên nén bao phim | bao đường)

Thành phần:
Cao đặc Đinh lăng, Cao khô lá Bạch quả.

Liều dùng:
- **Người lớn:** 2 - 3 viên x 2 - 3 lần/ngày.
- **Trẻ em:** 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim.



Chỉ định:
Dùng trong trường hợp: Thiểu năng tuần hoàn não có các biểu hiện đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng. Suy nhược thần kinh, di chứng tai biến mạch máu não, hội chứng tiền đình, suy mạch vành.

Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường.



BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH

Thành phần:
Xuyên khung, Bạch thược, Bạch truật, Đương quy, Phục linh, Thục địa, Cam thảo, Ích mẫu, Đẳng sâm.

Chỉ định:
Dưỡng huyết, nhuận sắc, điều kinh. Dùng cho phụ nữ sắc mặt kém tươi, tóc rụng nhiều, kinh nguyệt không đều, đau bụng khi hành kinh.

Liều dùng, cách dùng:
Uống 3 viên/lần, 3 - 4 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 10 viên nang.

BỔ THẬN ÂM

Thành phần:
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả.

Chỉ định:
Dùng cho người gầy yếu, mệt mỏi, nóng khát, ra mồ hôi trộm, váng đầu, chóng mặt, ù tai, đau lưng, mỏi gối, di mộng tinh.

Quy cách:
Hộp 10 gói x 4 g hoàn cứng.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 15 tuổi:
1 gói x 3 lần/ngày.
Trẻ em từ 5 - 15 tuổi:
½ gói x 3 lần/ngày.



TAM THẤT BỔ MÁU - YB

Thành phần:
Tam thất.

Chỉ định:
Dùng cho người thiếu máu, mệt mỏi, hoa mắt, chóng mặt, nhức đầu, ít ngủ. Người bị thổ huyết, ho ra máu, chảy máu cam, băng huyết, rong kinh, đi tiểu ra máu, hoạt huyết, tiêu sưng.

Liều dùng:
Người lớn: 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.
Trẻ em: Uống nửa liều người lớn.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng.



ENTEKA – YB

Thành phần:
Xuyên khung, Xích thược, Sinh địa, Đào nhân, Hồng hoa, Sài hồ, Cam thảo, Ngưu tất, Cát cánh, Chỉ xác, Đương quy.

Chỉ định:
Dùng trong trường hợp:
Tăng cholesterol máu, đau đầu, choáng váng, chóng mặt, mệt mỏi, hay quên, hỗ trợ phòng và điều trị cơn đau thắt ngực.

Liều dùng:
- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:** 2 - 3 viên x 2 - 3 lần/ngày.
- **Trẻ em dưới 12 tuổi:** 1 - 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng.



BỔ PHẾ

Thành phần:
Bạch linh, Cát cánh, Tang bạch bì, Bán hạ, Bách bộ, Cam thảo, Tô diệp, Mạch môn, Trần bì, Viễn chí, Tinh dầu Bạc hà.

Chỉ định:
Trị các chứng ho gió, ho lâu ngày, ho do hàn, ho có đờm loãng, rát cổ.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi:
Mỗi lần 15 ml x 3 lần/ngày.
Trẻ em từ 6 - 10 tuổi: Mỗi lần 10 ml x 3 lần/ngày.
Trẻ em từ 2 - 5 tuổi: Mỗi lần 5 ml x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai siro 100 ml.



CẢM CÚM - HO YBA

Thành phần:
Cát cánh, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Kinh giới.

Chỉ định:
Dùng trong các trường hợp cảm cúm, nhức đầu, trị ho, trừ đờm do cảm lạnh.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
3 - 4 viên x 3 - 4 lần/ngày.
Trẻ em dưới 12 tuổi:
2 - 3 viên x 3 - 4 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



THUỐC HO THẢO DƯỢC

Thành phần:
Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.

Chỉ định:
Trị chứng ho do lạnh, ho lâu ngày không dứt, ho đờm nhiều, khạc đờm khó, viêm phế quản cấp và mạn tính.

Liều dùng:
Trẻ em 5 - 12 tuổi: 10 ml x 2 - 3 lần/ngày.
Từ 12 tuổi trở lên: 15 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai siro 100 ml.



CẢM XUYÊN HƯƠNG PLUS



Thành phần:
Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

Chỉ định:
Điều trị các trường hợp cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

Liều dùng, cách dùng:
Ngày uống 2 lần.
- **Trẻ em từ 6 tháng đến 1 tuổi:** 5 ml/lần.
- **Trẻ em từ 1 - 5 tuổi:** 7,5 ml/lần.
- **Trẻ em từ 5 - 10 tuổi:** 10 ml/lần.

Cách dùng:
Uống trực tiếp hoặc có thể pha với một ít nước ấm hoặc nước đun sôi để nguội cho dễ uống.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 60 ml.
Hộp 1 chai x 100 ml.



GIẢI CẢM

Thành phần:
Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Cao đặc Hương phụ, Khương hoạt, Phòng phong, Thương truật, Hoàng cầm, Sinh địa, Tế tân, Cam thảo.

Chỉ định:
Dùng trong các trường hợp cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi.

Cách dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
3 viên x 3 lần/ngày.
Trẻ em dưới 12 tuổi: 2 viên x 2 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

NHIỆT MIỆNG YÊN BÁI

Thành phần:
Hoàng liên, Đương quy, Sinh địa, Đan bì, Thăng ma.

Chỉ định:
Chữa viêm loét miệng lưỡi (nhiệt miệng), viêm lợi, chảy máu chân răng, hôi miệng. Phòng ngừa bệnh tái phát.

Liều dùng:
- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**
  Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên.
- **Trẻ em dưới 12 tuổi:**
  Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên.

Đợt điều trị liên tục 10 ngày.



Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng.

TIÊU ĐỘC

Thành phần:
Kim Ngân Hoa, Bồ Công Anh, Bạch Linh, Hoàng Liên, Liên Kiều, Ké Đầu Ngựa, Hạ Khô Thảo.

Chỉ định:
Điều trị dị ứng, mẩn ngứa, ban sởi, mày đay. Giúp thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, tiêu viêm. Phòng và điều trị mụn trứng cá, ung nhọt sưng đau.

Liều dùng:
- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**
  2 - 4 viên/lần x 3 lần/ngày.
- **Trẻ em dưới 12 tuổi:**
  2 viên/lần x 3 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

BỔ TỲ

Thành phần:
Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh, Cam thảo, Thục địa, Liên nhục, Đại táo, Gừng tươi.

Công dụng:
Kích thích tiêu hóa, giúp ăn ngon miệng. Dùng cho trẻ chán ăn, còi xương, suy dinh dưỡng, chậm lớn. Dùng cho người lớn trong thời kỳ dưỡng bệnh.

Liều dùng:
- **Trẻ từ 6 tháng - 3 tuổi:** 10 ml x 3 - 4 lần/ngày.
- **Từ 3 - 12 tuổi:** 15 ml x 3 - 4 lần/ngày.
- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:** 20 ml x 3 - 4 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 1 chai siro 125 ml.

ĐẠI TRÀNG HOÀN

Thành phần:
Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đẳng sâm, Thần khúc, Trần bì, Mạch nha, Sơn tra, Sa nhân, Nhục đậu khấu, Sơn dược.

Chỉ định:
Điều trị viêm đại tràng mãn tính, tiêu chảy mãn tính, đau bụng, đầy hơi, ăn uống khó tiêu.

Liều dùng, cách dùng:
2 gói x 3 lần/ngày. Uống sau bữa ăn với nước đun sôi để nguội.

Quy cách:
Hộp 10 gói x 4 g hoàn cứng.



HƯƠNG LIÊN HOÀN

Thành phần:
Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.

Chỉ định:
Điều trị tiêu chảy, viêm tiểu tràng, đại tràng, rối loạn tiêu hóa.

Cách dùng:
- **Từ 2 - 7 tuổi:** 1/3 gói x 3 - 4 lần/ngày.
- **Từ 8 - 12 tuổi:** 1/2 gói x 3 - 4 lần/ngày.
- **Trên 12 tuổi:** 1 gói x 3 - 4 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 gói x 4 g hoàn cứng.



HƯƠNG LIÊN YBA

Thành phần:
Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Quế, Đinh hương, Sa nhân.

Chỉ định:
Điều trị tiêu chảy, viêm tiểu tràng, đại tràng, lỵ trực tràng, rối loạn tiêu hóa.

Liều dùng:
Ngày uống 3 lần
Trẻ em từ 1 – 5 tuổi: Mỗi lần 1 viên.
Trẻ em từ 5 – 12 tuổi: Mỗi lần 2 viên.
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Mỗi lần 3 viên.



Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 10 viên nang.



H'TIÊN YBA

Thành phần:
Bạch truật, Hoàng kỳ, Đẳng sâm, Phục thần, Mộc hương, Toan táo nhân, Đương quy, Viễn chí, Trích Cam thảo.

Công dụng:
Bài thuốc có tác dụng an thần, kích thích tiêu hóa, làm ăn ngon miệng, ngủ ngon, hồi phục sức khỏe cho các trường hợp:

- Trẻ em biếng ăn, gầy còm, suy dinh dưỡng, ngủ không an giấc.
- Người mới ốm dậy, người già yếu, cơ thể mệt mỏi, hoa mắt chóng mặt, mất ngủ.

Liều dùng:
Từ 6 - 12 tuổi: 15 ml x 3 lần/ngày.
Trên 12 tuổi: 20 ml x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai siro 125 ml.

PHUGIA

Thành phần:
Cam thảo, Bạch truật, Can khương, Mạch nha, Phục linh, Bán hạ chế, Đẳng sâm, Hậu phác, Chỉ thực, Ngô thù du.

Chỉ định:
Điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng, đau vùng thượng vị, đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, ăn uống không tiêu.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
3 viên, 2 - 3 lần/ngày.
Trẻ em 8 - 12 tuổi: 2 viên, 2 - 3 lần/ngày.
Trẻ em từ 2 - 7 tuổi: 1 viên, 2 - 3 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

TẢ HẠ, TIÊU THỰC, BÌNH VỊ, KIỆN TÌ, NHUẬN TRÀNG

TÔ MỘC YB

Thành phần:
Cao khô Tô mộc.

Chỉ định:
Dùng trong trường hợp: tụ máu, sưng do chấn thương. Đau bụng do kinh nguyệt bế, sau khi đẻ bị huyết ứ trướng đau. Chữa lỵ ra máu, đau ruột. Xích bạch đới.

Liều dùng:
Người lớn:
Dùng 1 gói/lần x 2 - 3 lần/ngày.
Trẻ em dưới 12 tuổi:
Dùng ½ liều người lớn.

Quy cách:
Hộp 20 gói x 3 g thuốc cốm.



YPHARCO
HEALTHCARE



YPHARCO HEALTHCARE

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

YPHARCO
HEALTHCARE

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

AmaK

Hỗ trợ:
BỔ THẬN
TRÁNG DƯƠNG

Hỗ trợ:
TĂNG CƯỜNG
SINH LỰC

Hỗ trợ:
CẢI THIỆN SINH LÝ
NAM GIỚI



Thành phần:
Cao khô Amak
(Tơm Trơng Nenso, Nam Dong, Tom Ngleng)

Cách dùng:
2 viên/lần x 2 lần/ngày (sáng và tối)

Công dụng:
Hỗ trợ bổ thận, tráng dương, tăng cường sinh lực, hỗ trợ cải thiện sinh lý nam giới.
Hỗ trợ giảm triệu chứng:
Đau lưng, mỏi gối, đi tiểu nhiều lần, sinh lý yếu dần do thận kém.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang mềm.

YPHARCO
HEALTHCARE

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

AmaKing

SỨC MẠNH TỪ ĐẠI NGÀN

Hỗ trợ tăng cường SINH LÝ NAM GIỚI



Thành phần:
Hỗn hợp cao thảo mộc (Tơm Trơng Nenso, Nam Dong, Tom Ngleng), L-Arginine HCl, Kẽm gluconat.

Công dụng:
Hỗ trợ tăng cường sinh lý nam giới.

Cách dùng:
Uống 2 viên/lần x 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi tối.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 30 viên.

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ



Thành phần:
Lá dong, Cà gai leo, Rau má, Đảng sâm, Chè dây (lá), Sắn dây (rễ củ), Khúng khéng, Atiso.

Công dụng:
Hỗ trợ thanh nhiệt, giải độc gan. Hỗ trợ giải rượu. Hỗ trợ hạn chế các biểu hiện nôn, khát, khô cổ ở người uống rượu.

Cách dùng:
Người lớn: Ngày 2 lần, mỗi lần 20 ml. Nên uống 20 ml trước khi uống rượu 30 - 60 phút và 20 ml sau khi uống rượu.

Quy cách:
Hộp 10 gói x 20 ml.

**Lắc kỹ trước khi uống, có thể uống trực tiếp hoặc pha loãng với nước.*

YPHARCO HEALTHCARE

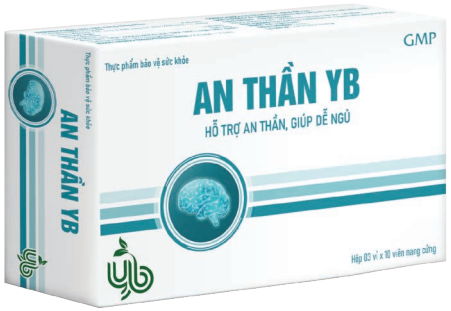
AN THẦN YB

Thành phần:
Cao hỗn hợp thảo dược (Lạc tiên, Lá dâu, Lá vông nem), Bột Liên tâm, Bột Hoài sơn.

Công dụng:
Hỗ trợ an thần, giúp dễ ngủ.

Liều dùng, cách dùng:
Uống 3 viên/ngày.
Uống trước khi ngủ 30 - 60 phút.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



AN XUÂN KHANG YB

Thành phần:
Cao hỗn hợp thảo dược (Đảng sâm, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Bạch linh, Toan táo nhân, Long nhãn, Đại táo, Maca), Bột Mầm đậu nành, Bột Maca, Bột Hạt lanh, Bột Sâm tố nữ.

Công dụng:
Hỗ trợ giảm các triệu chứng bốc hỏa, mất ngủ, khô da, suy giảm sinh lý do suy giảm sinh lý do suy giảm nội tiết tố nữ.

Cách dùng:
Uống 2 viên x 2 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

BỔ PHẾ YB

Thành phần:
Bột Xuyên tâm liên, Cao hỗn hợp thảo dược (Bách bộ, Sinh Thạch cao, Cam thảo), bột Trần bì, bột Kinh giới.

Công dụng:
Hỗ trợ bổ phế, hỗ trợ giảm ho, giảm đờm do viêm họng.

Cách dùng:
Ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 viên.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



BỔ THẬN YB

Thành phần:
Cao hỗn hợp thảo dược (Đỗ trọng, Khiếm thực, Hà thủ ô đỏ, Ngưu tất, Ba kích, Nhục quế, Đảng sâm, Tiểu hồi), Bột Dâm dương hoắc, Bột Hoài sơn, Bột Sâm cau, Bột Mẫu lệ, Bột Cá ngựa.

Công dụng:
Bổ thận tráng dương, hỗ trợ cải thiện sinh lý nam giới.
Hỗ trợ giảm triệu chứng: Đau lưng, mỏi gối, tiểu đêm nhiều lần do thận kém.

Cách dùng:
Uống 2 viên x 2 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

GIẢI ĐỘC GAN YB

Thành phần:
Cao khô Cà gai leo, Cao hỗn hợp thảo dược (Kim ngân hoa, Bồ công anh, Bạch linh, Sâm đại hành, Ngưu bàng tử, Ké đầu ngựa), Bột Liên kiều.

Công dụng:
Hỗ trợ thanh nhiệt, giải độc gan, bảo vệ gan, giảm triệu chứng mẩn ngứa, mề đay, mệt mỏi, vàng da do chức năng gan kém.

Cách dùng:
2 viên x 3 lần/ngày.



Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

HOẠT HUYẾT YB

Thành phần:
Cao hỗn hợp thảo dược (Thục địa, Xích thược, Ngưu tất, Đan sâm, Xuyên khung, Hồng hoa, Đương quy, Ích mẫu, Chỉ xác, Sài hồ, Cam thảo), Bột Đương quy, Bột Đậu tương lên men, Cao khô Đinh lăng, Cao khô lá Bạch quả.

Công dụng:
Hỗ trợ hoạt huyết, hỗ trợ giảm các triệu chứng đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, suy giảm trí nhớ do thiểu năng tuần hoàn não.

Cách dùng:
Uống 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



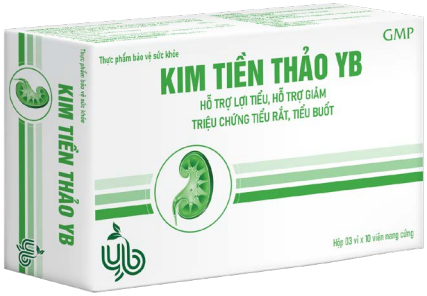
THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

KIM TIỀN THẢO YB

Thành phần:
Cao hỗn hợp thảo dược (Râu ngô, Cỏ xước, Cỏ nhọ nồi, Chuối hột, Râu mèo, Thục địa), Cao khô Kim tiền thảo, Bột Bạch thược.

Công dụng:
Hỗ trợ lợi tiểu. Hỗ trợ giảm các triệu chứng tiểu rắt, tiểu buốt.

Cách dùng:
Uống trước bữa ăn và uống với nhiều nước.
Ngày uống 2 lần x 3 viên/ngày.



Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

MỘC HOA TRẮNG YB

Thành phần:
Cao khô (hỗn hợp thảo mộc thô: Chè dây, Bạch truật, Sa nhân), Cao Mộc hoa trắng, Cao Mộc Hương.

Công dụng:
Hỗ trợ giảm các triệu chứng rối loạn tiêu hoá: đau bụng, đầy bụng, đi ngoài phân lỏng, phân sống do viêm đại tràng.

Cách dùng:
Người lớn: Uống 1 viên/lần x 2 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 60 viên nén bao phim.



TRINH NỮ HOÀNG CUNG YB

Thành phần:
Cao Trinh nữ hoàng cung, Cao Tam thất.

Công dụng:
Hỗ trợ hạn chế sự phát triển của u xơ tử cung, u vú lành tính.

Cách dùng:
Phụ nữ trưởng thành:
Uống 1 viên x 2 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 60 viên nang cứng.




GEDEON RICHTER
NHẬP KHẨU TỪ
HUNGARY



GIÃN CƠ



MYDOCALM

Giãn cơ trong các trường hợp đau cơ xương khớp.

Thành phần:

MYDOCALM 150 MG	MYDOCALM 50 MG
Tolperisone HCL .....150 mg	Tolperisone HCL .....50 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.

GEDEON RICHTER LTD.



LISONORM

Thành phần:

Lisinopril ..... 10 mg
Amlodipine ..... 5 mg

Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn.
Trị liệu thay thế cho các bệnh nhân mà có huyết áp được kiểm soát bằng Lisinopril và Amlodipine dùng đồng thời với mức liều tương đương.

Liều dùng, cách dùng:

Liều khuyến cáo là 1 viên/lần, 1 lần mỗi ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.
Thức ăn không có ảnh hưởng đến sự hấp thu thuốc nên có thể dùng thuốc trước, trong hoặc sau bữa ăn.

Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

LISONORM MEZO

Thành phần:

Lisinopril ..... 20 mg
Amlodipin ..... 5 mg

Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn. Lisonorm Mezo được chỉ định điều trị thay thế ở những bệnh nhân trưởng thành có huyết áp đã được kiểm soát đầy đủ đồng thời bằng Lisinopril và Amlodipin với mức liều tương đương.

Liều dùng:

Liều dùng được khuyến cáo là 1 viên/ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



LISONORM FORTE

Thành phần:

Lisinopril ..... 20 mg
Amlodipin ..... 10 mg

Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn người lớn. Trị liệu thay thế cho bệnh nhân có huyết áp được kiểm soát đầy đủ bằng Lisinopril và Amlodipine với mức liều tương đương.

Liều dùng:

Liều dùng được khuyến cáo là 1 viên/ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



PANANGIN

Thành phần

Magnesi aspartat anhydrat .....140 mg
Kali aspartat anhydrat .....158 mg

Liều dùng:

Liều thông thường hằng ngày là 3 đến 6 viên mỗi ngày, chia 3 lần.
Liều dùng hằng ngày có thể tăng lên đến 9 viên chia 3 lần.

Quy cách:

Hộp 1 lọ x 50 viên nén bao phim.





Chỉ định:

Bổ sung Kali và Magnesi trong:

Một số bệnh tim mạn tính như suy tim hoặc tình trạng sau nhồi máu cơ tim với sự đồng ý của bác sĩ điều trị.

Một số tình trạng loạn nhịp tim (chủ yếu là loạn nhịp thất), với sự đồng ý của bác sĩ điều trị.

Các trường hợp không nạp đủ lượng ion hoặc mất điện giải, ví dụ khi sử dụng kéo dài các thuốc lợi tiểu làm mất kali như thuốc lợi tiểu thiazid hoặc thuốc lợi tiểu quai.

Thành phần:

REAGILA 1,5 MG	REAGILA 3 MG	REAGILA 4,.5 MG	REAGILA 6 MG
Cariprazin ..... 1,5 mg	Cariprazin ..... 3 mg	Cariprazin ..... 4,5 mg	Cariprazin ..... 6 mg

Chỉ định:

Điều trị tâm thần phân liệt ở bệnh nhân người lớn.

Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

THUỐC PHÁT MINH

Reagila®

Cariprazin

ĐIỀU TRỊ TÂM THẦN PHÂN LIỆT

Reagila hiện được Bepharco độc quyền phát triển tại thị trường Việt Nam

VEROSPIRON 25 MG

Thành phần:
Spironolactone ..... 25 mg

Chỉ định:
Trong bệnh cường aldosterone tiên phát, phù do các nguyên nhân khác nhau (Phù nề kèm theo suy tim sung huyết, phù và/hoặc cổ trướng kèm theo xơ gan, hội chứng thận hư) tăng huyết áp vô căn, giảm kali huyết.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 1 vỉ x 20 viên nén.



VEROSPIRON 50 MG

Thành phần:
Spironolactone ..... 50 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp, phù do bệnh tim, gan, thận và bệnh cường aldosteron nguyên phát. Điều trị và phòng ngừa thiếu kali ở bệnh nhân dùng digitalis khi các biện pháp khác không hiệu quả.

Liều dùng:
Nói chung, liều hằng ngày của Verospiron được dùng ngày một lần hoặc chia làm 2 lần, dùng thuốc sau bữa ăn. Khuyến cáo nên dùng liều hằng ngày hoặc liều đầu tiên trong ngày vào buổi sáng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



CAVINTON 5 MG

Thành phần:
Vinpocetine ..... 5 mg

Chỉ định:
Giảm các triệu chứng tâm thần kinh của chứng sa sút trí tuệ do nguyên nhân mạch.

Liều dùng:
2 viên x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 25 viên nén.



CAVINTON FORTE

Thành phần:
Vinpocetin ..... 10 mg

Liều dùng:
1 viên x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 15 viên nén.



Chỉ định:
Điều trị các dạng khác nhau của rối loạn tuần hoàn máu não:
Tình trạng sau đột quỵ, sa sút trí tuệ có nguyên nhân do mạch, vữa xơ động mạch não, bệnh não sau chấn thương và do tăng huyết áp, thoái hóa hệ sống nền. Thuốc làm giảm các triệu chứng tâm thần kinh do rối loạn tuần hoàn máu não. Điều trị rối loạn mao mạch mãn tính của võng mạc và mạch mạc. Điều trị bệnh giảm thính lực kiểu tiếp nhận, bệnh Ménière, ù tai.



CAVINTON INJ

Thành phần:
Vinpocetin .....10 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng của một số bệnh có kèm rối loạn tuần hoàn máu não. Điều trị các triệu chứng thần kinh do rối loạn tuần hoàn não.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 10 ống 2 ml.

BEATIL

Thành phần:

BEATIL 4 MG/5 MG	BEATIL 8 MG/5 MG	BEATIL 4 MG/10 MG
Perindopril tert-butylamine 4 mg	Perindopril tert-butylamine 8 mg	Perindopril tert-butylamine 4 mg
Amlodipin.....5 mg	Amlodipin.....5 mg	Amlodipin.....10 mg

Chỉ định:
Liệu pháp thay thế trong điều trị tăng huyết áp vô căn và hoặc bệnh mạch vành ổn định, những bệnh nhân đã được kiểm soát đồng thời bằng Perindopril và Amlodipin với mức liều tương ứng.

Liều dùng:
Uống 1 viên/ngày.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



EDNYT TAB 5 MG

Thành phần:
Enalapril maleate.....5 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp. Suy tim. Dự phòng các cơn thiếu máu mạch vành và suy tim có triệu chứng ở người bệnh suy thất trái.

Liều dùng:
Liều hằng ngày tối đa là 40 mg.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



NORMODIPINE 5 MG

Thành phần
Amlodipin .....5 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp.
Điều trị các cơn đau ở ngực: đau thắt ngực, đau thắt ngực Prinzmetal hiếm gặp hoặc các dạng đau thắt ngực khác.

Liều dùng:
Liều thông thường là một viên Normodipine 5 mg mỗi ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



PANANGIN

Thành phần:
Magnesium aspartat ..... 400 mg
Potassium aspartat ..... 452 mg

Chỉ định:
Bổ sung kali và magnesi trong một số bệnh tim mạn tính (suy tim, tình trạng sau nhồi máu cơ tim), rối loạn nhịp tim, bổ trợ trong điều trị bằng digitalis.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 5 ống 10 ml.



OXYTOCIN INJ

Thành phần:
Mỗi ống dung dịch tiêm 1 ml chứa:
Oxytocin ..... 5 IU

Liều dùng:
Liều lượng phải được điều chỉnh theo yêu cầu từng cá thể trên cơ sở đáp ứng của mẹ và thai nhi.

Chỉ định:
Oxytocin được chỉ định để gây hoặc tăng co thắt tử cung.

Quy cách:
Hộp 20 vỉ x 5 ống x 1 ml.

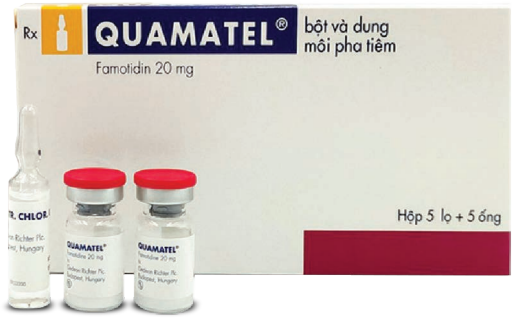


QUAMATEL

Thành phần:
Famotidin ..... 20 mg

Chỉ định:
Loét tá tràng. Loét dạ dày lành tính. Bệnh trào ngược dạ dày thực quản. Các tình trạng tăng tiết (ví dụ: hội chứng Zollinger-Ellison). Phòng tình trạng nuốt phải acid dịch vị trong gây mê (hội chứng Mendelson).

Liều dùng:
Liều khuyến cáo là 20 mg, tiêm tĩnh mạch 2 lần/ngày (1 lần/mỗi 12 giờ). Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Quy cách:
Hộp 5 lọ x 5 ống.

DIAPHYLLIN VENOSUM

Thành phần:
Theophylin-ethylendiamin ..... 240 mg

Chỉ định:
Điều trị co thắt phế quản liên quan đến hen phế quản, sự trở nặng cấp tính của chứng viêm phế quản mạn, hoặc tràn khí phổi.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 5 ống x 5 ml.



GEDEON RICHTER LTD.


EGIS
NHẬP KHẨU TỪ
HUNGARY

Halixol®



Thành phần:
Mỗi 100 ml siro chứa:
Ambroxol hydrochloride ..... 300 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 100 ml.



Chỉ định:

Các bệnh tắc nghẽn đường hô hấp cấp tính và mạn tính như hen phế quản và viêm phế quản, giãn phế quản liên quan đến sự tiết chất nhầy và đờm bất thường.
Tăng cường hòa tan dịch nhầy trong các bệnh viêm mũi họng.

EGIS

HALIXOL

Thành phần:
Ambroxol hydrochloride .....30 mg

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 10 viên nén.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Chỉ định cho các bệnh tắc nghẽn đường hô hấp cấp tính và mãn tính

như hen phế quản và viêm phế quản, giãn phế quản do sản sinh quá nhiều nhầy và đờm. Tăng cường hòa tan dịch nhầy trong các bệnh viêm mũi - họng.



RILEPTID

Thành phần:
Risperidone.....1 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Chỉ định:
Rileptid được chỉ định trong điều trị bệnh tâm thần phân liệt. Rileptid được dùng để điều trị các cơn hưng cảm vừa đến nặng trong rối loạn lưỡng cực.
Rileptid được chỉ định trong điều trị ngắn ngày (cho đến 6 tuần) chứng gây hấn kéo dài ở bệnh nhân sa sút trí tuệ vừa đến nặng do bệnh Alzheimer mà không đáp ứng với các biện pháp không dùng thuốc và khi có nguy cơ gây hại cho bản thân hay cho người khác.

CLOSTILBEGYT



Thành phần:
Clomiphene citrate ..... 50 mg

Chỉ định:
Kích thích rụng trứng trong chu kỳ không rụng trứng, mục đích để có thai.
Rối loạn rụng trứng do thương tổn trung tâm của vùng hạ đồi.
Vô kinh thứ phát do các nguyên nhân khác, thiểu kinh, vô kinh sau khi dùng thuốc tránh thai.
Thiểu tinh trùng.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 1 vỉ x 10 viên nén.

KHÁNG DỊ ỨNG

POLLEZIN



Thành phần:
Levocetirizine dihydrochloride.....5 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng đi kèm với các tình trạng dị ứng:
Viêm mũi dị ứng theo mùa (bao gồm cả các triệu chứng ở mắt).
Viêm mũi dị ứng quanh năm.
Mày đay mạn tính

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 7 viên nén bao phim.



Raptakos, Brett & Co. Ltd.

NHẬP KHẨU TỪ ẤN ĐỘ

RAPTAKOS

NEOPEPTINE

Chỉ định đầy hơi, khó tiêu
do rối loạn men, biếng ăn,
ăn không tiêu, tiêu hóa kém,
bụng trướng hơi, tiêu phân sống.

Thành phần:

Alpha amylase ..... 100 mg
Papain ..... 100 mg
Simethicone ..... 30 mg

Liều dùng:

Uống 1 viên x 2 lần/ngày (sau ăn).

Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang.







SUBSYDE-M

Được chỉ định làm giảm triệu chứng đau, sưng nề và viêm trên các bệnh nhân bị bệnh cơ xương khớp như:

Căng cơ, đau cổ, tay, vai, viêm khớp, gân cơ, bong gân, đau thắt lưng, cột sống, dây thần kinh tọa.

Thành phần:

Diclofenac Diethylamin B.P. ..... 1,16% tl/tl
Dầu Lanh B.P. ..... 3,00% tl/tl
Methyl Salicylat B.P. ..... 10,00% tl/tl
Menthol U.S.P. ..... 5,00% tl/tl

Quy cách:

Hộp 1 tuýp x 20 g.



Hộp 14 vỉ x 8 viên.

TRYMO TABLETS

Thành phần:

Bismuth subcitrat dạng keo tương đương:
Bismuth trioxid ..... 120 mg

Liều dùng:

Uống 2 viên x 2 lần/ngày.
Điều trị *Helicobacter pylori*:
1 viên x 4 lần/ngày trong 2 tuần.

Chỉ định:

Loét tá tràng. Đợt cấp của viêm dạ dày mạn tính. Loét dạ dày lành tính.
Chứng khó tiêu không loét. Có thể dùng Bismuth subcitrate dạng keo (TRYMO) trong tam liệu pháp (với Metronidazole và Tetracyclin hay Amoxicillin) để loại trừ *Helicobacter pylori*.

Thành phần:
Clotrimazole ..... 1 %

Liều dùng:
Bôi ngoài da ngày 2 lần.
Tránh bôi vào mắt - mũi - miệng.

Quy cách:
Hộp 1 tuýp 15 g.

CALCREM



Bôi ngoài trị nấm da, nấm Candida và lang ben.

Chứng viêm quanh móng, hăm lở da, hăm tã lót do vi nấm và viêm qui đầu.

ZYTEE RB

Chỉ định dùng làm giảm đau răng, viêm lưỡi, viêm miệng, loét miệng, các tổn thương khác ở miệng và kích ứng răng giả.

Thành phần:
Cholin salicylat ..... 9,00 % tl/tt
Clorua benzalkonium ..... 0,02 % tl/tt

Liều dùng:
Nhỏ 1 - 2 giọt keo lên đầu ngón tay và xoa nhẹ lên vùng bị tổn thương. Có thể lặp lại 3 - 4 giờ/lần.



Quy cách:
Hộp 1 tuýp 10 ml.

MINIGADINE

Thành phần:

Lactobionat Calci U.S.P.	700 mg
Citrat Ammoni Sắt III U.S.P.	15 mg
Sulphat Kẽm B.P.	22,5 mg
Hexahydrat Clorua Mangan B.P.	42,5 mg
Monohydrat Sulphat Mangan B.P.	6 mg
Pepton I-ốt hóa	0,5 mg

Chỉ định:

Dùng phòng ngừa tình trạng thiếu vi chất ở trẻ em: biếng ăn, kém phát triển do dinh dưỡng, chậm phát triển tâm thần.

Liều dùng:

- **Trẻ em từ 1 - 6 tuổi:** 2,5 ml (nửa muỗng cà phê), ngày hai lần.
- **Trẻ em từ 7 - 15 tuổi:** 5 ml (một muỗng cà phê), ngày hai lần.

Quy cách:

Hộp 1 lọ 120 ml.





MEDEXPORT

DAYTRIX 1G

Ceftriaxon 1 g







Thành phần:

Mỗi lọ bột chứa:

Ceftriaxon ..... 1 g

Quy cách:

Hộp 10 lọ thuốc bột.

Thành phần:

Mỗi lọ bột chứa:

Ceftriaxon ..... 1 g

Mỗi ống dung môi chứa:

Tá dược: Lidocain hydroclorid, nước cất pha tiêm vừa đủ ..... 3,5 ml

Quy cách:

Hộp 1 lọ thuốc bột và 1 ống dung môi.

Chỉ định:

Ceftriaxon được chỉ định điều trị các bệnh nhiễm khuẩn sau đây ở người lớn và trẻ em bao gồm trẻ sơ sinh ở độ tuổi nhất định (từ khi sinh):

Viêm màng não do vi khuẩn; Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng; Viêm phổi mắc phải ở bệnh viện; Viêm tai giữa cấp tính; Nhiễm khuẩn ổ bụng; Nhiễm khuẩn đường tiết niệu phức tạp (bao gồm cả viêm thận); Nhiễm khuẩn xương khớp; Nhiễm khuẩn da và mô mềm phức tạp; Lậu; Giang mai; Viêm nội tâm mạc do vi khuẩn.

Liều dùng, cách dùng:

Liều phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng, tính nhạy cảm, vị trí và loại nhiễm khuẩn và phụ thuộc vào tuổi và chức năng gan, thận của bệnh nhân.

MEDEXPORT

Thành phần:
Ceftazidime .....1 g

Liều dùng, cách dùng:
Ceftazidime được dùng tiêm bắp sâu hoặc tiêm tĩnh mạch.
Liều dùng tùy thuộc mức độ trầm trọng, độ nhạy cảm và loại nhiễm trùng cũng như tuổi tác, cân nặng và chức năng thận của người bệnh và phải được bác sĩ giám sát.

Chỉ định:
Điều trị trong nhiễm khuẩn nặng được xác định hoặc nghi ngờ khó điều trị do vi khuẩn Gram âm gây nên hoặc nhiễm khuẩn hỗn hợp trong đó có vi khuẩn Gram âm đã kháng các kháng sinh thông thường, đặc biệt bệnh nhân có thể trạng yếu/ hoặc suy giảm miễn dịch.
Dự phòng trong phẫu thuật:
Giảm tỷ lệ nhiễm trùng sau phẫu thuật.

DELTAZIME

Ceftazidime 1 g

Kháng sinh cephalosporin thế hệ 3



Quy cách:
Hộp 10 lọ thuốc bột.



TRINITRINA®

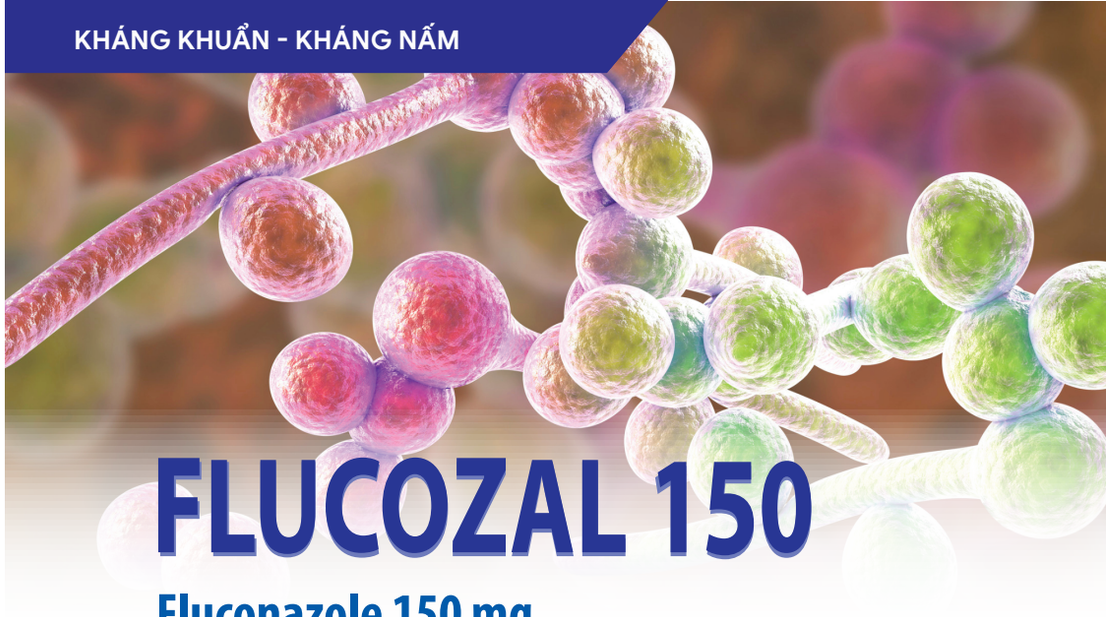
Nitroglycerine 5 mg / 1.5 mL

Thành phần: Mỗi ống (1.5 ml) chứa:
Hoạt chất: Nitroglycerin .....5 mg
Tá dược: Ethanol, Nước pha tiêm.

Quy cách: Hộp 10 ống x 1.5 mL


DELORBIS
NHẬP KHẨU TỪ
CỘNG HÒA SÍP

KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM



FLUCOZAL 150

Fluconazole 150 mg

THUỐC KHÁNG NẤM DÙNG TOÀN THÂN



Hộp 1 vỉ x 1 viên

Thành phần: Fluconazole ..... 150 mg

Liều dùng: Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

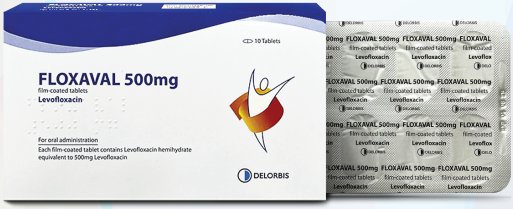
DELORBIS

FLOXAVAL 500 MG

Levofloxacin

ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN DO CÁC VI KHUẨN NHẠY CẢM VỚI LEVOFLOXACIN

- *Hấp thu nhanh và gần như hoàn toàn*
- *Sinh khả dụng tuyệt đối 99 -100%*



Hộp 1 vỉ x 10 viên

Thành phần: Levofloxacin ..... 500 mg

Chỉ định: **FLOXAVAL được chỉ định cho người lớn để điều trị các nhiễm khuẩn sau:**
Viêm phổi mắc phải cộng đồng.
Nhiễm khuẩn da và mô mềm có biến chứng.
Nhiễm khuẩn niệu có biến chứng và viêm bể thận, viêm tiền liệt tuyến mạn tính do vi khuẩn.

Liều dùng: Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



PRO.MED.CS
PRAHA A.S.

BISOTEXA

bisoprolol fumarate

2,5 mg
5 mg
10 mg



ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP, ĐAU THẮT NGỰC, SUY TIM MẠN ỔN ĐỊNH KÈM SUY GIẢM CHỨC NĂNG TÂM THẤT TRÁI, PHỐI HỢP VỚI THUỐC ỨC CHẾ MEN CHUYỂN (ACEI), THUỐC LỢI TIỂU VÀ CÁC GLYCOSID TIM.

Thành phần:

BISOTEXA 2,5 MG	BISOTEXA 5 MG	BISOTEXA 10 MG
Bisoprolol fumarate .....2,5 mg	Bisprolol fumarate .....5 mg	Bisprolol fumarate .....10 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp. Điều trị đau thắt ngực.
Điều trị suy tim mạn ổn định kèm suy giảm chức năng tâm thất trái, phối hợp với thuốc ức chế men chuyển (ACEi), và thuốc lợi tiểu, và các glycosid tim.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên,

PRO.MED.CS
Praha a.s.

COMBISO

Thành phần:

COMBISO 5 MG/ 6,25 MG	COMBISO 10 MG/ 6,25 MG
Bisoprolol fumarate .....5 mg	Bisprolol fumarate .....10 mg
Hydrochlorothiazide.....6,25 mg	Hydrochlorothiazide.....6,25 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp nhẹ đến trung bình.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.







HANLIM

KHÁNG SINH



PHILTOBAX®

Eye Drops Tobramycin

DUNG DỊCH NHỎ MẮT

ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN BÊN NGOÀI VÀ CÁC PHẦN PHỤ CỦA MẮT GÂY RA DO CÁC CHỦNG VI KHUẨN NHẠY CẢM



Hộp 1 lọ x 5 ml

Thành phần: Mỗi lọ 5 ml chứa:
Tobramycin ..... 15 mg

Chỉ định: Kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn ngoài nhãn cầu và các phần phụ của mắt gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm.

Liều dùng: Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

HANLIM PHARM


pharmalink
NHẬP KHẨU TỪ
TÂY BAN NHA

THIẾT BỊ Y TẾ

Ysana
VIDA SANA

DUNG DỊCH XỊT MŨI
freeNOSE®

XỊT MŨI NƯỚC BIỂN ƯU TRƯƠNG
FREE NOSE HYPERTONIC

+3 Tháng tuổi

NƯỚC BIỂN TINH KHIẾT TỪ BRITTANY CẤP SẠCH A

XỊT MŨI NƯỚC BIỂN ĐẲNG TRƯƠNG
FREE NOSE ISOTONIC

+0 Tháng tuổi



Quy cách:
Hộp 1 chai x 120 ml.

- VỆ SINH MŨI HẰNG NGÀY
- GIỮ ẨM VÙNG MŨI
- GIẢM NGHẸT MŨI SỔ MŨI

THÂN THIỆN VỚI TRẺ SƠ SINH





Quy cách:
Hộp 1 chai x 120 ml.

Thành phần:
Nước biển và nước tinh khiết
(Natri clorid ..... 2,2 %)

Chỉ định:
Xịt mũi Nước biển ưu trương được sử dụng cho trẻ em từ 3 tháng tuổi và người lớn, trong các trường hợp như: nhiễm khuẩn niêm mạc mũi họng, chảy nước mũi, nhiễm khuẩn xoang cạnh mũi và chứng ngáy do khô niêm mạc. Bên cạnh việc làm sạch cơ học và làm thông thoáng đường hô hấp trên, tác dụng thẩm thấu còn giúp giảm sưng - phù nề niêm mạc mũi.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Thành phần:
Nước biển và nước tinh khiết
(Natri clorid ..... 0,9 %)

Chỉ định:
Xịt mũi nước biển đẳng trương vệ sinh mũi hằng ngày ở trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. Hỗ trợ điều trị: viêm mũi họng, viêm mũi tắc nghẽn, viêm xoang, chứng khô mũi, khàn tiếng do niêm mạc mũi bị khô, hỗ trợ trong điều trị các bệnh thuộc khoa Tai mũi họng và khoa Nhi.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

pharmalink

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Vitalink D3 drops

Thành phần:

Mỗi giọt chứa:

Vitamin D3 ..... 5 µg
(tương đương 200 IU)

VITAMIN D3
NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN

DẦU Ô LIU
NGUYÊN CHẤT

Công dụng:

Hỗ trợ tăng cường hấp thu canxi và phốt pho.
Hỗ trợ xương, răng chắc khoẻ.
Hỗ trợ giảm nguy cơ loãng xương ở người lớn.

Cách dùng:

Trẻ dưới 1 tuổi: Tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng.
Trẻ từ 1 tuổi: uống 2 giọt/ngày (vitamin D3 10 µg).

Quy cách:

Hộp 1 chai x 20 ml.

Hỗ Trợ Xương Răng Chắc Khỏe
Bé Vui Vẻ – Mẹ An Tâm





Healthcare Australia

NHẬP KHẨU TỪ AUSTRALIA

HEALTHCARE AUSTRALIA

LIPA PHARMACEUTICALS
Where new ideas grow

OKVITKA

Calci carbonat 750 mg / Cholecalciferol 5 mcg

Bổ sung Calci và Vitamin D3 hỗ trợ giảm nguy cơ loãng xương



Thành phần:

Calci carbonat ..... 750 mg
Cholecalciferol..... 5 mcg

Chỉ định:

Bổ sung Calci và Vitamin D trong trường hợp thiếu calci do chế độ ăn uống, giảm nguy cơ mắc loãng xương do thiếu calci.
Hỗ trợ giảm nguy cơ giảm mật độ xương, gãy xương do loãng xương.

Cách dùng:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
1 - 2 viên/lần x 2 lần/ngày.

Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



DAVAC


BIOPHARCO
SẢN XUẤT BỞI
BIOPHARCO

EnteroGolds | EnteroGran

BỔ SUNG LỢI KHUẨN
ĐƯỜNG RUỘT KHỎE MẠNH



ENTEROGRAN

Thành phần:

Bacillus Clausii ..... 2 tỷ lợi khuẩn
Tá dược (Lactose, Glucose, Hương sữa) vừa đủ ..... 1 g

Liều dùng:

Trẻ em: 1 gói x 1 - 2 lần/ngày.
Trẻ em bị tiêu chảy, phân sống:
1 gói x 3 lần/ngày.
Người lớn: 1 gói x 3 - 4 lần/ngày.

Quy cách:

Hộp 20 gói x 1 g.

ENTEROGOLDS

Thành phần:

Bacillus clausii .....2 tỷ lợi khuẩn
Tá dược (Lactose, Magnesi stearat, Glucose) vừa đủ 500mg

Liều dùng:

Trẻ em từ 6 tuổi trở lên:
Uống mỗi lần 1 viên x 1 - 2 lần/ngày.
Người lớn: uống mỗi lần 1 viên x 3 - 4 lần/ngày.

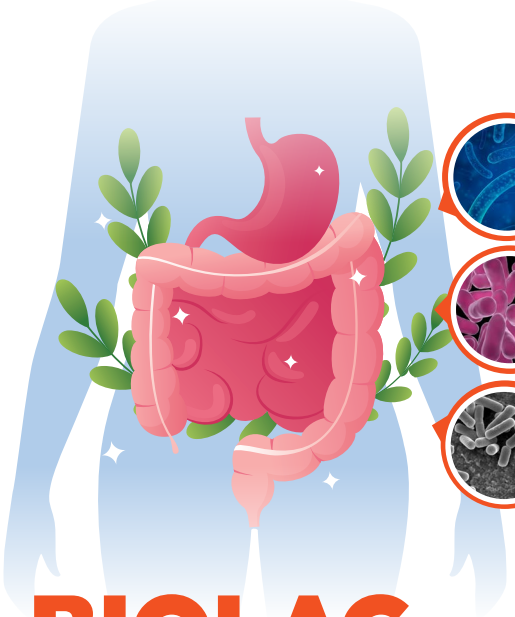
Quy cách:

Hộp 6 vỉ x 10 viên.
Hộp 1 lọ x 60 viên.

Chỉ định:

Điều trị và phòng ngừa rối loạn vi sinh đường ruột và bệnh lý kém hấp thu vitamin; Hỗ trợ phục hồi hệ vi sinh đường ruột bị ảnh hưởng khi dùng thuốc kháng sinh hoặc hóa trị. Rối loạn tiêu hóa cấp và mạn tính.

BIOPHARCO



Thành phần:
Men vi sinh *Lactobacillus*

L. acidophilus
10^6 - 10^7 CFU

L. sporogenes
10^6 - 10^7 CFU

L. kefir
10^6 - 10^7 CFU

BIOLAC

Điều trị rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, táo bón, viêm ruột cấp và mãn tính, đi ngoài phân sống, giúp cân bằng và phục hồi nhanh hệ vi sinh vật đường ruột.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 1 chai x 100 viên nang



Hộp 10 gói x 1 gam



Hộp 10 vỉ x 10 viên nang

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

BIOSUBTYL-II

Thành phần:
Bacillus subtilis ..... 10^7 - 10^8 CFU

Chỉ định:
Điều trị rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, táo bón, viêm ruột cấp và mãn tính, đi ngoài phân sống.

Liều dùng:
Người lớn: 2 - 4 gói/ngày.
Trẻ em: 1 - 2 gói/ngày.

Quy cách:
Hộp 25 gói x 1 g.
Hộp 50 gói x 1 g



THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

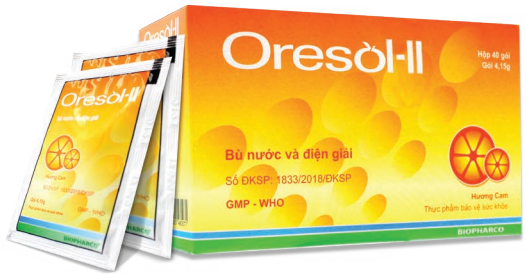
ORESOL-II

Thành phần:
Glucose khan ..... 2,70 g
Natri clorid ..... 0,52 g
Natri citrat dihydrat ..... 0,58 g
Kali clorid ..... 0,30 g
Hương cam vừa đủ ..... 4,15 g

Công dụng:
Bổ sung nước và điện giải.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 40 gói x 4,15 g



BIOPHARCO®

BIO THYMOLUS

Thành phần:

Trong mỗi gói chứa:

Bacillus subtilis	10^6 - 10^8 CFU
Bacillus clausii	10^6 - 10^8 CFU
Thymomodulin	19,50 mg
Kẽm gluconat	2,2 mg
Vitamin B1	0,57 mg
Vitamin B2	0,48 mg
Vitamin B6	0,52 mg
Vitamin PP	0,26 mg
L-lysine hydroclorid	44 mg

Công dụng:

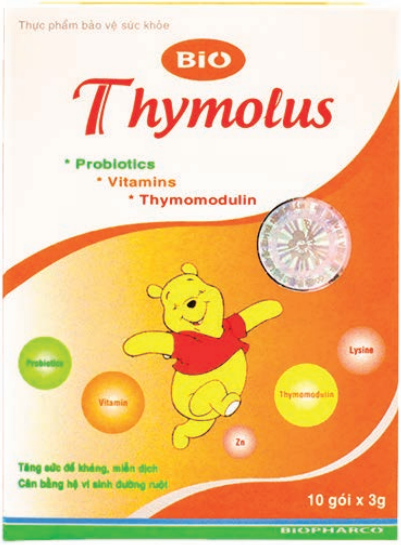
Bổ sung probiotic có lợi cho đường ruột và vitamin, giúp tăng cường chuyển hóa, tăng cường sức đề kháng, hỗ trợ duy trì và phục hồi sức khỏe tổng thể.

Liều dùng:

Trẻ từ 6 tháng đến 1 tuổi: 1 gói/ngày.
Trẻ từ 1 tuổi đến 6 tuổi: 2 - 3 gói/ngày.
Trên 6 tuổi: 3 - 4 gói/ngày.

Quy cách:

Hộp 10 gói x 3 g






MEYER-BPC
SẢN XUẤT BỞI
MEYER-BPC

DEXACIN



Thành phần:
Dexamethason .....0,5 mg

Chỉ định:
- **Dị ứng:** Sốc phản vệ, phù Quincke nghiêm trọng.
- **Nhiễm trùng:** Viêm thanh quản rít ở trẻ em; Sốt thương hàn nặng kèm sốt, lú lẫn, hôn mê.
- **Thần kinh:** Phù não do khối u, áp xe.
- **Tai mũi họng:** Viêm thanh quản khó thở.

Liều dùng:
Người lớn: 0,5 - 10 mg/ngày.
Trẻ em: 0,01 - 0,1 mg/kg/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai 500 viên nén.

MEYER-BPC



MEYERAZOL

Thành phần:

Omeprazol..... 20 mg

Chỉ định:

Điều trị loét dạ dày - tá tràng, bệnh trào ngược dạ dày - thực quản, hội chứng Zollinger - Ellison.

Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang chứa hạt bao tan trong ruột.

FOSTERVITA

Thành phần:

Thiamin mononitrat .....100 mg
Pyridoxin hydroclorid ..... 200 mg
Cyanocobalamin ..... 200 mcg

Chỉ định:

Điều trị thiếu hụt vitamin nhóm B do dinh dưỡng hoặc do sử dụng với các thuốc kết hợp với các vitamin nhóm này.
Dùng liều mạnh trong hội chứng đau nhức do thấp khớp hoặc thần kinh.
Chứng nghiện rượu và giải độc.

Liều dùng:

Từ 12 tuổi: 1 viên/ngày.

Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim



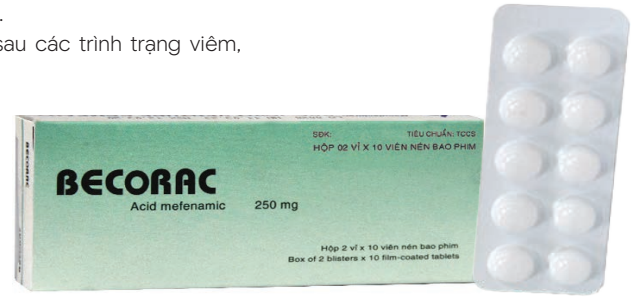
BECORAC 250

Thành phần:
Acid mefenamic ..... 250 mg

Chỉ định:
Giảm đau trong trường hợp đau do thần kinh từ nhẹ đến trung bình, nhức đầu, đau nửa đầu, đau sau chấn thương, đau sau khi sinh, đau sau khi mổ, đau răng, đau hạ vị.
Đau và sốt kèm theo sau các trình trạng viêm, đau bụng kinh.

Liều dùng:
Người lớn: 2 viên x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao phim.



BEFADOL EXTRA

Thành phần:
Paracetamol ..... 500 mg
Cafein ..... 65 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng cảm cúm:
Đau đầu, sốt, đau họng, đau nhức cơ.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:
1 - 2 viên/lần, 4 - 6 giờ/lần, không quá 8 viên/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.



GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

BEFADOL PLUS

Thành phần:
Paracetamol ..... 650 mg

Chỉ định:
Giảm đau nhẹ và vừa trong các chứng nhức đầu, đau nhức xương khớp, đau nhức do cảm cúm, đau bụng kinh, hạ sốt.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:
1 viên x 3 lần/ngày, 4 - 6 giờ/lần, không quá 6 viên/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 10 viên nén bao phim.
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.





MEFENAMIC

Thành phần:
Acid mefenamic ..... 500 mg

Chỉ định:
Giảm đau từ nhẹ đến trung bình như đau cơ, nhức đầu, đau do chấn thương, đau hậu phẫu, đau bụng kinh, đau răng.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
1 viên x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén



MELOXICAM

Thành phần:
Meloxicam ..... 7,5 mg

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.

Chỉ định:
Meloxicam được chỉ định điều trị triệu chứng của:
- Viêm xương khớp (thoái hoá khớp)
- Viêm khớp dạng thấp
- Viêm khớp dạng thấp thiếu niên ở bệnh nhân có cân nặng từ 60 kg trở lên.

Liều dùng:
Uống 1 - 2 viên x 1 lần/ngày.



PIROXICAM

Thành phần:
Piroxicam ..... 20 mg

Chỉ định:
Sử dụng ngắn hạn để điều trị triệu chứng trong các trường hợp sau:
- Viêm khớp dạng thấp và viêm xương khớp, thoái hoá khớp.
- Viêm cột sống dính khớp, bệnh cơ xương cấp và chấn thương trong thể thao.
- Thống kinh và đau sau phẫu thuật.
- Bệnh gút cấp.

Liều dùng:
Liều khuyến cáo là 20 mg, dùng một lần duy nhất mỗi ngày.
Tham khảo thêm tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 100 viên nang cứng.
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



MEPRED 4

Thành phần:
Methylprednisolon ..... 4 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Chỉ định:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



MEPRED 16

Thành phần:
Methylprednisolon ..... 16 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Chỉ định:
Mepred 16 được chỉ định trong các trường hợp đòi hỏi tác dụng của glucocorticoid như: Rối loạn nội tiết, rối loạn do thấp khớp, bệnh hệ thống tạo keo, bệnh thuộc về da.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



PREDNISOLONE

Thành phần:
Prednisolon .....5 mg

Chỉ định:
Chống viêm, ức chế miễn dịch trong các bệnh: viêm khớp dạng thấp, lupus ban đỏ toàn thân, một số thể viêm mạch, bệnh Sarcoid, hen phế quản, viêm loét đại tràng, thiếu máu tan huyết, giảm bạch cầu hạt và những bệnh dị ứng nặng gồm cả phản vệ.

Liều dùng:
Người lớn: 5 - 60 mg/ngày.
Trẻ em: 0,14 - 2 mg/kg thể trọng/ngày.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 500 viên nén.



BECOCYSTEIN

Thành phần:
Acetylcystein .....200 mg

Chỉ định:
Được chỉ định làm thuốc tiêu chất nhầy trong bệnh nhầy nhớt, bệnh lý hô hấp có đờm nhầy quánh như trong viêm phế quản cấp và mạn, làm sạch thường quy trong mở khí quản.

Liều dùng:
Người lớn và Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên x 3 lần/ngày.
Từ 2 - 6 tuổi: 1 viên x 2 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



BECOBROL 30

Thành phần:
Ambroxol hydroclorid .....30 mg

Chỉ định:
Làm loãng chất nhầy (hoặc đờm) và tăng thanh thải chất nhầy.
Bệnh cấp và mãn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch đặc biệt là trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen.
Bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để phòng các biến chứng ở phổi.

Liều dùng:
Từ 5 - 10 tuổi: ½ viên x 2 - 3 lần/ngày.
Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi:
1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 10 viên nén.



DEXTROMETHORPHAN 10 MG

Thành phần:
Dextromethorphan hydrobromid.....10 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng ho do họng và phế quản bị kích thích khi cảm lạnh thông thường hoặc khi hít phải chất kích thích.
Ho không có đờm, mạn tính.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 100 viên nang cứng.



MEYER-BPC

ALLER FORT

Thành phần:
Clorpheniramin maleat ..... 2 mg
Phenylephrin hydroclorid ..... 10 mg

Chỉ định:
Điều trị viêm mũi dị ứng mùa và quanh năm, viêm mũi vận mạch do histamin, sổ mũi, viêm kết mạc dị ứng, sung huyết mũi.

Liều dùng:
Người lớn: 1 viên x 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài bao phim.
Hộp 1 chai x 100 viên nén dài bao phim.





CLORPHENIRAMIN

Thành phần:
Clorpheniramin maleat ..... 4 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng dị ứng ở người lớn và trẻ em từ 6 tuổi trở lên như: Mày đay, viêm mũi vận mạch do Histamin, viêm kết mạc dị ứng, viêm da tiếp xúc, phù mạch, phù Quincke, dị ứng thức ăn, phản ứng huyết thanh; côn trùng đốt; thuỷ đậu.

Liều dùng:
Từ 6 - 12 tuổi: ½ viên/mỗi 4 - 6 giờ.
Trên 12 tuổi: 1 viên/mỗi 4 - 6 giờ.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 500 viên nén.



BECOHISTA

Thành phần:
Cetirizin dihydroclorid 10mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng quanh năm, viêm mũi theo mùa, mày đay tự phát mạn tính, hắt hơi, chảy nước mũi, viêm kết mạc dị ứng, dị ứng da, ngứa, phụ trợ trong điều trị hen.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.



CETIRIZIN

Thành phần:
Cetirizin dihydroclorid ..... 10 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng dai dẳng, viêm mũi theo mùa, mày đay tự phát mạn tính.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:
Uống liều duy nhất 10 mg/ngày.
Trẻ em từ 6 đến 12 tuổi:
Uống 5 mg x 2 lần/ngày.



BECOSTURON

Thành phần:
Cinnarizine ..... 25 mg

Chỉ định:
Phòng say tàu xe.
Rối loạn tiền đình như chóng mặt, ù tai, buồn nôn, nôn trong bệnh Ménière.

Liều dùng:
Người lớn:
- **Phòng say tàu xe:** uống 1 viên, 2 giờ trước khi khởi hành.
- **Rối loạn tiền đình:** mỗi lần uống 1 viên, ngày dùng 3 lần.

Trẻ em 5 - 12 tuổi: dùng ½ liều người lớn.

Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 10 viên nén.



CORITYNE

Thành phần:
Loratadin ..... 10 mg

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng của viêm mũi dị ứng và mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em trên 2 tuổi có trọng lượng cơ thể trên 30 kg.

Liều dùng:
Trên 12 tuổi:
Uống liều duy nhất 1 viên/ngày.
Trẻ em 2 - 12 tuổi tùy theo cân nặng:
- **Trọng lượng cơ thể trên 30 kg:** Uống liều duy nhất 1 viên/ngày.
- **Trọng lượng cơ thể dưới 30 kg:** Không khuyến cáo sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



BEFATROPYL

Thành phần:
Piracetam ..... 800 mg



Chỉ định:
- Điều trị chứng chóng mặt.
- Cải thiện một vài triệu chứng suy giảm trí tuệ bệnh lý ở người già như: suy giảm trí nhớ, kém tập trung, thiếu tỉnh táo, thay đổi khí sắc, rối loạn hành vi...
- Điều trị sau cơn nhồi máu não hay chấn thương sọ não.
- Điều trị hỗ trợ chứng khó đọc ở trẻ em.

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 5 vỉ x 10 viên nén dài bao phim.

BECOTAREL

Thành phần:
Trimetazidin dihydroclorid ..... 20 mg

Chỉ định:
Chỉ định cho người lớn trong liệu pháp bổ sung/ hỗ trợ vào biện pháp trị liệu hiện có để điều trị triệu chứng ở bệnh nhân đau thắt ngực ổn định không được kiểm soát đầy đủ hoặc bệnh nhân không dung nạp với các liệu pháp điều trị đau thắt ngực khác.

Liều dùng:
1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 30 viên nén bao phim.



DOMPERIDONE

Thành phần:
Domperidon .....10 mg

Chỉ định:
Điều trị ngắn hạn triệu chứng buồn nôn và nôn nặng do nhiều nguyên nhân khác nhau như sau dùng hóa trị liệu điều trị ung thư, do Levodopa hoặc Bromocriptin trong điều trị bệnh Parkinson.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Liều dùng:
Liều hàng ngày tối đa của Domperidone là 80 mg/ngày.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.





ESOPRAZOL

Thành phần:
Esomeprazol.....20 mg

Chỉ định:
Điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng.
Hội chứng Zollinger - Ellison.
Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nang chứa hạt bao tan trong ruột.



SORBITOL

Thành phần:
Sorbitol ..... 5 g

Chỉ định:
Điều trị triệu chứng táo bón và khó tiêu.

Liều dùng:
Người lớn:
- **Điều trị khó tiêu:** 1 - 3 gói/ngày.
- **Điều trị táo bón:** 1 gói/ngày.

Trẻ em: 1/2 liều người lớn.

Quy cách:
Hộp 20 gói x 5 g.



SPAS-MEYER

Thành phần:
Alverin citrat ..... 40 mg

Chỉ định:
Chống đau co thắt cơ trơn ở đường tiêu hóa như hội chứng ruột kích thích bệnh đau túi thừa của ruột kết, đau do co thắt đường mật, cơn đau quặn thận.
Thống kinh nguyên phát.

Liều dùng:
Trên 12 tuổi: 2 - 3 viên x 1 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



DROTACOLIC

Thành phần:
Drotaverin hydroclorid .....40 mg

Chỉ định:
Co thắt dạ dày ruột, hội chứng ruột kích thích, đau quặn và co thắt đường mật, tiết niệu, sinh dục và co thắt tử cung.

Liều dùng:
Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày.
Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.
Trẻ em 1 - 6 tuổi: ½ - 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

FORCLAMIDE

Thành phần:
Glimepirid ..... 3 mg
Tá dược vừa đủ .....1 viên

Chỉ định:
Tiểu đường không phụ thuộc insulin (type II) ở người lớn, khi nồng độ đường huyết không thể kiểm soát thỏa đáng được bằng chế độ ăn kiêng, tập thể dục và giảm cân nặng đơn thuần.

Liều dùng:
Khởi đầu: 1 mg/ngày.
Tăng liều theo nồng độ đường huyết.
Trẻ em: 1/2 liều người lớn.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên.



DRP Inter

SẢN XUẤT BỞI DRP Inter







FIRVOMEF

Điều trị hội chứng và bệnh Parkinson.

Thành phần:

FIRVOMEF 10/100 MG	FIRVOMEF 25/100 MG	FIRVOMEF 25/250 MG
Levodopa.....100 mg	Levodopa.....100 mg	Levodopa.....250 mg
Carbidopa.....10 mg	Carbidopa.....25 mg	Carbidopa.....25 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

VANADIA



Thành phần:
Vildagliptin ..... 50 mg

Chỉ định:
Điều trị đái tháo đường type II ở người lớn.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

TOFIPAM

Thành phần:
Tofisopam ..... 50 mg

Chỉ định:
Điều trị rối loạn tâm thần (thần kinh) và thực thể đi kèm lo âu, căng thẳng, rối loạn thực vật, thiếu năng lượng và động lực, lãnh đạm, mệt mỏi và tâm trạng chán nản.
Hội chứng cai rượu, các triệu chứng kích thích thực vật của các tình trạng tiền mê sảng hay mê sảng.

Liều dùng:
Người lớn:
Uống 1 - 2 viên mỗi lần, từ 1 - 3 lần mỗi ngày.
Trẻ em:
Kinh nghiệm sử dụng thuốc còn hạn chế.





Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

LOJECDAT

Thành phần:
Nebivolol ..... 5 mg
Hydrochlorothiazide ..... 12,5 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp vô căn.
Bệnh nhân có huyết áp được kiểm soát tốt khi sử dụng đồng thời Nebivolol 5 mg và Hydrochlorothiazide 12,5 mg.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



TRONISTAT

Thành phần:

TRONISTAT 80/12,5 MG	TRONISTAT 160/12,5 MG	TRONISTAT 160/25 MG
Valsartan .....80 mg	Valsartan .....160 mg	Valsartan .....160 mg
Hydrochlorothiazide...12,5 mg	Hydrochlorothiazide...12,5 mg	Hydrochlorothiazide.....25 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn.
Tronistat được chỉ định cho bệnh nhân có huyết áp không được kiểm soát đầy đủ với Valsartan hoặc Hydrochlorothiazide đơn trị liệu.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.







VARIMAN

Thành phần:
Valsartan .....160 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp nguyên phát ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi; Điều trị suy tim.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



VAZOLORE

Thành phần:
Valsartan .....80 mg

Chỉ định:
Điều trị tăng huyết áp nguyên phát ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi; Điều trị suy tim.
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.




MEDLAC
MEDLAC PHARMA ITALY CO. LTD.
SẢN XUẤT BỞI
MEDLAC

KETOMEDLAC

Thành phần:

Mỗi lọ thuốc bột đông khô pha tiêm chứa:

Ketoprofen .....100,0 mg

Tá dược: Glycin, L-arginin

Mỗi ống dung môi Benzyl alcohol chứa:

Benzyl alcohol .....125 mg

Nước cất pha tiêm vừa đủ ..... 5 ml

Mỗi ống dung môi Nước cất pha tiêm 5 ml chứa:

Nước cất pha tiêm ..... 5 ml

Chỉ định:

Ketoprofen có tác dụng giảm đau và chống viêm, được dùng cho người lớn và trẻ em từ 15 tuổi trở lên để:

Điều trị ngắn hạn các triệu chứng:

- Viêm khớp dạng thấp
- Đau lưng dưới cấp
- Đau dây thần kinh

Điều trị các cơn đau do ung thư.

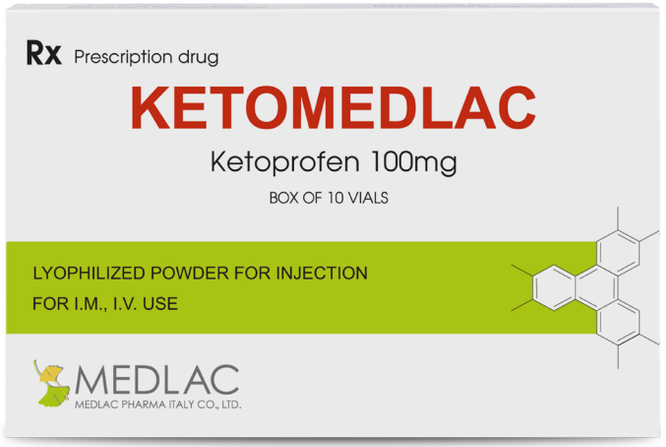
Liều dùng:

Từ 1 đến 2 lọ, tức 100 - 200 mg/ngày

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:

- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm.
- Hộp 10 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm.
- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Benzyl alcohol.
- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Nước cất pha tiêm 5 ml.
- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Benzyl alcohol.
- Hộp 10 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 10 ống dung môi Benzyl alcohol.
- Hộp 10 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Nước cất pha tiêm 5 ml.




MIPHARMCO
SẢN XUẤT BỞI
MIPHARMCO

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

Diclofenac 75mg

Thành phần:
Diclofenac natri ..... 75 mg

Chỉ định:
Điều trị dài ngày các loại viêm khớp mạn:
Viêm đốt sống cứng khớp, thoái hóa khớp,
viêm đa khớp dạng thấp. Thống kinh nguyên phát.
Đau cấp (viêm sau chấn thương, sưng nề) và đau mạn.

Liều dùng:
Người lớn: 1 viên x 1 hoặc 2 lần/ngày.
Liều tối đa khuyến cáo của Diclofenac hàng ngày là 150 mg.

Quy cách:
Hộp 1 chai x 100 viên bao tan trong ruột.
Hộp 10 vỉ x 10 viên bao phim tan trong ruột.



MIPHARMCO

Tel-gest

Thành phần:

TEL-GEST 60 MG	TEL-GEST 180 MG
Fexofenadine HCl .....60 mg	Fexofenadine HCl .....180 mg

Chỉ định:
Fexofenadine dùng điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn.

Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Liều thường dùng 60 mg x 2 lần/ngày hoặc 180 mg x 1 lần/ngày.

Quy cách:
Tel-gest 60 mg:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.
Tel-gest 180 mg:
Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim.





ACIGMENTIN

Nhiễm khuẩn nặng đường hô hấp trên và hô hấp dưới;
Nhiễm khuẩn nặng đường tiết niệu - sinh dục;
Nhiễm khuẩn da và mô mềm; Nhiễm khuẩn xương và khớp;
Nhiễm khuẩn nha khoa; Nhiễm khuẩn khác.





Thành phần:

ACIGMENTIN 625	ACIGMENTIN 1000
Amoxicillin.....500 mg	Amoxicillin.....875 mg
Acid clavulanic.....125 mg	Acid clavulanic.....125 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Quy cách:
Hộp 2 vỉ x 7 viên bao phim.



Quy cách:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

ORABAKAN 200 MG

Thành phần:
Cefixim .....200 mg

Liều dùng:
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Chỉ định:
Nhiễm khuẩn đường tiết niệu; Một số trường hợp viêm thận - bể thận, viêm tai giữa, viêm họng và amidan, viêm bàng quang, viêm niệu đạo do lậu; Viêm phế quản cấp và mạn tính; Viêm phổi mắc phải tại cộng đồng thể nhẹ và vừa.







SPOMEDIC
SẢN XUẤT BỞI
SPOMEDIC

EnteroGO®

Bacillus clausii + *Bacillus subtilis*

Thành phần:

Mỗi 5 ml hỗn dịch chứa:

Bacillus clausii ..... 3 tỷ bào tử

Bacillus subtilis ..... 0,5 tỷ bào tử

Công dụng:

Bổ sung lợi khuẩn, giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột; Hỗ trợ làm giảm rối loạn tiêu hóa do loạn khuẩn đường ruột.

Liều dùng:

Trẻ từ 6 tháng - 12 tuổi: 5 ml/ngày.

Từ 12 tuổi trở lên: 5 - 10 ml/ngày.

Dùng được cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

Quy cách:

Hộp 4 vỉ x 5 ống.



BỔ SUNG LỢI KHUẨN
ĐƯỜNG RUỘT KHỎE MẠNH

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

FORCLAMIDE 3 MG ..... MEYER - BPC
VANADIA ..... DRP INTER

GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

BEFADOL KID GÓI 5 ML | CHAI 60 ML ..... BEPHARCO
SUBSYDE-M ..... RAPTAKOS
BECORAC 250 ..... MEYER - BPC
BEFADOL EXTRA ..... MEYER - BPC
BEFADOL PLUS (VỈ) | (CHAI) ..... MEYER - BPC
MELOXICAM ..... MEYER - BPC
MEFENAMIC ..... MEYER - BPC
PIROXICAM (CHAI) | (VỈ) ..... MEYER - BPC
KETOMEDLAC ..... MEDLAC
DICLOFENAC 75 MG (CHAI) | 75 MG (VỈ) ..... MIPHARMCO

GIÃN CƠ

MYDOCALM 50 MG | 150 MG ..... GEDEON RICHTER

HÔ HẤP

BEFABROL GÓI 5 ML | CHAI 30 ML | CHAI 60 ML ..... BEPHARCO
KIDIFUNVON CHAI 60 ML ..... BEPHARCO
DIAPHYLLIN VENOSUM INJ ..... GEDEON RICHTER
HALIXOL ..... EGIS
HALIXOL SIRO 100 ML ..... EGIS
BECOBROL 30 ..... MEYER - BPC
BECOCYSTEIN ..... MEYER - BPC
DEXTROMETHORPHAN ..... MEYER - BPC

HORMON - NỘI TIẾT

OXYTOCIN 5 UI/1 ML ..... GEDEON RICHTER
CLOSTILBEGYT 50 MG ..... EGIS
DEXACIN (CHAI) ..... MEYER - BPC
MEPRED 4 ..... MEYER - BPC
MEPRED 16 ..... MEYER - BPC
PREDNISOLONE ..... MEYER - BPC

KHÁNG DỊ ỨNG

BECOLORAT 5 ML | 30 ML | 60 ML ..... BEPHARCO
POLLEZIN ..... EGIS
ALLER FORT (VỈ) | (CHAI) ..... MEYER - BPC
BECOHISTA ..... MEYER - BPC
BECOSTURON ..... MEYER - BPC
CETIRIZIN ..... MEYER - BPC
CLORPHENIRAMIN ..... MEYER - BPC
CORITYNE ..... MEYER - BPC
TEL-GEST 60 MG | 180 MG ..... MIPHARMCO

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM

CALCREM 15 G	RAPTAKOS
ZYTEE RB	RAPTAKOS
FLUCOZAL 150	DELORBIS

KHÁNG SINH

DAYTRIX	MEDEXPORT
DELTAZIME	MEDEXPORT
FLOXAVAL	DELORBIS
PHILTOBAX	HANLIM
ACIGMENTIN 625 | 1000	MIPHARMCO
ORABAKAN 200 MG	MIPHARMCO

LỢI TIỂU

VEROSPIRON 25 MG	GEDEON RICHTER
EROSPIRON 50 MG	GEDEON RICHTER

MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

NEOPEPTINE	RAPTAKOS
BIOLAC 500 MG (VỈ) | 500 MG (LỌ) | 1 G (GÓI)	BIOPHARCO
BIOSUBTYL-II 1 G	BIOPHARCO
ENTEROGOLDS CHAI | VỈ	BIOPHARCO
ENTEROGRAN	BIOPHARCO
ENTEROGO	SPOMEDIC

THẦN KINH

BECOPIRA	BEPHARCO
CAVINTON 5 MG	GEDEON RICHTER
CAVINTON FORTE 10 MG	GEDEON RICHTER
CAVINTON INJ	GEDEON RICHTER
REAGILA CAPS 1,5 MG | 3 MG | 4,5 MG | 6 MG	GEDEON RICHTER
RILEPTID 1 MG	EGIS
BEFATROPYL	MEYER - BPC
FIRVOMEF 25/250 MG | 25/100 MG	DRP INTER
TOFIPAM	DRP INTER

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

TIÊU HOA - GAN MẬT

BECOLUGEL	BEPHARCO
BECOLUGEL-O	BEPHARCO
BECOLUGEL-S 10 ML	BEPHARCO
BECORIDONE CHAI 30 ML	BEPHARCO
BECORIDONE NEW 25 ML | 55 ML	BEPHARCO
GASMAGEL 15 ML	BEPHARCO
THIDAMAGEL 15 ML	BEPHARCO
QUAMATEL	GEDEON RICHTER
TRYMO TABLETS	RAPTAKOS
DOMPERIDONE	MEYER - BPC
DROTACOLIC	MEYER - BPC
ESOPRAZOL (ALU)	MEYER - BPC
MEYERAZOL (ALU)	MEYER - BPC
SORBITOL	MEYER - BPC
SPAS-MEYER (PVC)	MEYER - BPC

TIM MẠCH

BEATIL 4 MG/10 MG | 4 MG/5 MG | 8 MG/5 MG	GEDEON RICHTER
EDNYT TAB 5 MG	GEDEON RICHTER
LISONORM	GEDEON RICHTER
LISONORM MEZO	GEDEON RICHTER
LISONORM FORTE	GEDEON RICHTER
NORMODIPINE 5 MG	GEDEON RICHTER
PANANGIN (CHAI) | (ỐNG)	GEDEON RICHTER
TRINITRINA	MEDEXPORT
BISOTEXA 5 | 2,5 | 10	PRO.MED
COMBISO 5 MG | 10 MG	PRO.MED
BECOTAREL	MEYER - BPC
LOJECDAT 5/12.5 MG	DRP INTER
TRONISTAT 160/12,5 MG | 160/25 MG | 80/12,5 MG	DRP INTER
VARIMAN 160 MG	DRP INTER
VAZOLORE 80 MG	DRP INTER

VITAMIN & KHOÁNG CHẤT

BETOFER	BEPHARCO
BOSUZINC 5 ML | CHAI 30 ML	BEPHARCO
MINIGADINE	RAPTAKOS
OKVITKA	HEALTHCARE AUSTRALIA
FOSTERVITA	MEYER - BPC

DANH MỤC THUỐC ĐÔNG DƯỢC

AN THẦN, ĐỊNH CHÍ, DƯỠNG TÂM

AN THẦN YÊN BÁI ..... YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO (VIÊN NÉN BAO PHIM) ..... YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO (VIÊN NÉN BAO ĐƯỜNG) ..... YPHARCO
HOẠT HUYẾT PLUS ..... YPHARCO

BỔ ÂM, DƯỠNG HUYẾT

BỔ THẬN ÂM ..... YPHARCO
ENTEKA – YB ..... YPHARCO
TAM THẤT BỔ MÁU - YB ..... YPHARCO

BỔ PHẾ

BỔ PHẾ ..... YPHARCO
BỔ PHẾ TIÊU ĐỜM ..... YPHARCO
CẢM CÚM - HO YBA ..... YPHARCO
THUỐC HO THẢO DƯỢC ..... YPHARCO

ĐIỀU KINH, AN THAI

BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH ..... YPHARCO

DÙNG NGOÀI

ACOCINA - 30 ML | 40 ML | 50 ML ..... YPHARCO

GIẢI BIỂU

CẢM XUYÊN HƯƠNG ..... YPHARCO
CẢM XUYÊN HƯƠNG PLUS ..... YPHARCO
CỐM CẢM XUYÊN HƯƠNG ..... YPHARCO
GIẢI CẢM ..... YPHARCO
SIRO CẢM XUYÊN HƯƠNG ..... YPHARCO

GIẢI ĐỘC, TIÊU BAN, LỢI THỦY, THANH NHIỆT

NHIỆT MIỆNG YÊN BÁI ..... YPHARCO
TIÊU ĐỘC ..... YPHARCO

DANH MỤC THUỐC ĐÔNG DƯỢC

TẢ HẠ, TIÊU THỰC, BÌNH VỊ, KIỆN TỲ, NHUẬN TRÀNG

BỔ TỲ ..... YPHARCO
ĐẠI TRÀNG HOÀN ..... YPHARCO
FOLITAT DẠ DÀY ..... YPHARCO
HƯƠNG LIÊN HOÀN ..... YPHARCO
HƯƠNG LIÊN YBA ..... YPHARCO
H'TIÊN YBA ..... YPHARCO
PHUGIA ..... YPHARCO
TÔ MỘC YB ..... YPHARCO

DANH MỤC THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

AN THẦN YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
BỔ PHẾ YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
AMAK ..... YPHARCO HEALTHCARE
AMAKING ..... YPHARCO HEALTHCARE
AN XUÂN KHANG YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
BỔ THẬN YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
GIẢI ĐỘC GAN YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
GIẢI RƯỢU YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
HOẠT HUYẾT YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
KIM TIỀN THẢO YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
MỘC HOA TRẮNG YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
TRINH NỮ HOÀNG CUNG YB ..... YPHARCO HEALTHCARE
VITALINK D3 ..... PHARMALINK
BIO THYMOLUS ..... BIOPHARCO
ORESOL-II ..... BIOPHARCO

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

THIẾT BỊ Y TẾ

FREE NOSE HYPERTONIC (ƯU TRƯƠNG) ..... PHARMALINK
FREE NOSE ISOTONIC (ĐẲNG TRƯƠNG) ..... PHARMALINK